

10 ĐỀ THI GIỮA HK1 MÔN GDCD 12 NĂM 2021-2022

1. Đề cương ôn thi giữa HK1 môn GDCD 12

1.1. Nội dung ôn tập

1.1.1. Khái niệm pháp luật

a. Pháp luật là gì?

- Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

b. Đặc trưng của pháp luật

- Tính quy phạm phổ biến

+ Tính quy phạm: Khuôn mẫu; tính phổ biến: áp dụng nhiều lần đối với nhiều người, nhiều nơi.

+ Tính quy phạm phổ biến: làm nên giá trị công bằng bình đẳng trước pháp luật.

+ Bất kì ai ở trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định cũng phải thực hiện theo khuôn mẫu pháp luật quy định.

- Tính quyền lực, bắt buộc chung

+ Tính quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

+ Tất cả mọi người đều phải thực hiện các quy phạm pháp luật.

- Tính xác định chặt chẽ về hình thức

+ Hình thức thể hiện của pháp luật là các văn bản có chứa các quy phạm pháp luật được xác định chặt chẽ về hình thức: văn phong diễn đạt phải chính xác. Cơ quan ban hành văn bản và hiệu lực của văn bản được quy định chặt chẽ trong Hiến pháp hoặc luật.

1.1.2. Bản chất của pháp luật

a. Bản chất giai cấp của pháp luật.

- Pháp luật do nhà nước ban hành phù hợp với ý chí nguyện vọng của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.

b. Bản chất xã hội của pháp luật.

- Các quy phạm pháp luật bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội, do thực tiễn cuộc sống đòi hỏi.

- Pháp luật không chỉ phản ánh ý chí của giai cấp thống trị mà còn phản ánh nhu cầu, lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp dân cư khác nhau trong xã hội.

- Các quy phạm pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội, vì sự phát triển của xã hội.

1.1.3. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị, đạo đức

a. Quan hệ giữa pháp luật với kinh tế:

- Các quan hệ kinh tế quyết định nội dung của pháp luật, sự thay đổi các quan hệ kinh tế sớm hay muộn cũng sẽ dẫn đến sự thay đổi nội dung của pháp luật.

- Pháp luật lại tác động ngược trở lại đối với kinh tế, có thể theo hướng tích cực hoặc tiêu cực.

b. Quan hệ giữa pháp luật với chính trị:

- Đường lối chính trị của đảng cầm quyền chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện pháp luật. Thông qua pháp luật, ý chí của giai cấp cầm quyền trở thành ý chí của nhà nước.

- Đồng thời, pháp luật còn thể hiện ở mức độ nhất định đường lối chính trị của giai cấp và các tầng lớp khác trong xã hội.

c. Quan hệ giữa pháp luật với đạo đức:

- Nhà nước luôn cố gắng chuyển những quy phạm đạo đức có tính phổ biến phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội thành các quy phạm pháp luật.

- Khi ấy, các giá trị đạo đức không chỉ được tuân thủ bằng niềm tin, lương tâm của cá nhân hay do sức ép của dư luận xã hội mà còn được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh quyền lực nhà nước.

1.1.4. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội

a. Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội

- Tất cả các nhà nước đều quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật bên cạnh những phương tiện khác như chính sách, kế hoạch, giáo dục tư tưởng, đạo đức,... Nhờ có pháp luật, nhà nước phát huy được quyền lực của mình và kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ của mình.

- Quản lý bằng pháp luật là phương pháp quản lý dân chủ và hiệu quả nhất, vì:

+ Pháp luật là khuôn mẫu có tính phổ biến và bắt buộc chung, phù hợp với lợi ích chung của các giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau, tạo được sự đồng thuận trong xã hội đối với việc thực hiện pháp luật.

+ Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội một cách thống nhất trong toàn quốc và được bảo đảm bằng sức mạnh của quyền lực nhà nước nên hiệu lực thi hành cao.

+ Quản lý xã hội bằng pháp luật nghĩa là nhà nước ban hành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật trên quy mô toàn xã hội.

b. Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình:

- Hiến pháp quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các luật về dân sự, hôn nhân và gia đình, thương mại, thuế, đất đai, giáo dục, ... cụ thể hóa nội dung, cách thức thực hiện các quyền của công dân trong từng lĩnh vực cụ thể. Trên cơ sở ấy, công dân thực hiện quyền của mình.

- Các luật về hành chính, hình sự, tố tụng, ... quy định thẩm quyền, nội dung, hình thức, thủ tục giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lý các vi phạm pháp luật. Nhờ thế, công dân sẽ bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

1.1.5. Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật.

a. Khái niệm thực hiện pháp luật.

- Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ xã hội do pháp luật điều chỉnh.

b. Các hình thức thực hiện pháp luật

- Sử dụng pháp luật: cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình làm những điều pháp luật cho phép.

- Thi hành pháp luật: cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.

- Tuân thủ pháp luật: cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm.

- Áp dụng pháp luật: cá nhân, tổ chức thực hiện pháp luật với sự tham gia, can thiệp của nhà nước.

c. Các giai đoạn thực hiện pháp luật

- Giai đoạn 1: giữa các cá nhân, tổ chức hình thành mối quan hệ xã hội do pháp luật điều chỉnh gọi là quan hệ pháp luật.

- Giai đoạn 2: cá nhân, tổ chức tham gia quan hệ pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

1.1.6. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.

a. Vi phạm pháp luật

- Thứ nhất là hành vi trái pháp luật: Hành vi đó có thể là hành động cũng có thể là không hành động.

+ Vd: đi xe vào làn đường một chiều hoặc người sử dụng lao động để xảy ra tai nạn lao động.

- Thứ hai, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện: Đạt một độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật, có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình.

- Thứ ba, người vi phạm pháp luật phải có lỗi: Lỗi thể hiện thái độ của người biết hành vi của mình là sai, trái pháp luật, có thể gây hậu quả không tốt nhưng vẫn cố ý làm hoặc vô tình để mặc cho sự việc xảy ra.

b. Trách nhiệm pháp lí

- Là nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

- Nhà nước thực hiện trách nhiệm pháp lí nhằm:

+ Buộc các chủ thể vi phạm pháp luật chấm dứt tình trạng vi phạm pháp luật.

+ Buộc họ phải chịu những thiệt hại, hạn chế nhất định.

+ Buộc họ phải làm những công việc nhất định.

c. Các loại vi phạm pháp luật

- Vi phạm hình sự:

- + Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự
- + Chịu trách nhiệm hình phạt và các biện pháp tư pháp được quy định trong bộ luật hình sự.
- Vi phạm hành chính
 - + Là các hành vi xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước
 - + Chịu các hình thức xử lý hành chính do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng.
- Vi phạm dân sự
 - + Là hành vi trái pháp luật xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ pháp luật dân sự khác.
 - + Chịu các biện pháp nhằm khôi phục lại tình trạng ban đầu của các quyền dân sự bị vi phạm.
- Vi phạm kỉ luật
 - + Là hành vi trái với quy định quy tắc quy chế xác định trật tự kỉ cương trong nội bộ cơ quan trường học xí nghiệp.
 - + Chịu các hình thức kỉ luật do thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp, trường học áp dụng đối với cán bộ - công nhân viên - học sinh - sinh viên của tổ chức mình.

1.1.7. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ

- Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.
- Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ được hiểu như sau:
 - + Một là: Mọi công dân đều được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của mình. Các quyền được hưởng như quyền bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu, quyền thừa kế, các quyền tự do cơ bản và các quyền dân sự, chính trị khác... Các nghĩa vụ phải thực hiện như nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ đóng thuế...
 - + Hai là: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần và địa vị xã hội.

1.1.8. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý

- Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- Công dân dù ở địa vị nào, làm nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật (trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự, kỷ luật) - Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ như nhau đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau, không phân biệt đối xử.

1.1.9. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

- Quyền và nghĩa vụ của công dân được nhà nước quy định trong Hiến pháp và luật.

- Nhà nước và xã hội có trách nhiệm tạo ra các điều kiện cần thiết bảo đảm cho công dân có khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Nhà nước có trách nhiệm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật và đảm bảo công bằng, hợp lý trong quá trình truy cứu trách nhiệm pháp lý.

1.2. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP

1.2.1. Câu hỏi ôn tập bài 1

Câu 1. Pháp luật là gì?

A. Pháp luật là tập hợp các quy tắc xử xử chung do Nhà nước ban hành hoặc công nhận nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội bằng quyền lực Nhà nước.

B. Pháp luật là tập hợp các quy định của Nhà nước, hệ thống các quy tắc xử xử được Nhà nước công nhận nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội theo một trật tự nhất định

C. Pháp luật là tập hợp các quy tắc xử xử riêng do Nhà nước ban hành hoặc công nhận nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội bằng quyền lực Nhà nước.

D. Pháp luật là hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có chứa các điều luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội.

Câu 2. Đây là bản chất của pháp luật?

A. Tính giai cấp, tính xã hội.

B. Tính giai cấp, tính xã hội, tính quyền lực.

C. Tính quyền lực, tính ý chí, tính khách quan.

D. Tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

Câu 3. Nhận định nào sau đây không đúng?

A. Pháp luật có ba đặc trưng chính là tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

B. Nhà nước Việt Nam đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

C. Các quy phạm pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội vì sự phát triển của xã hội.

D. Các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của nhân dân, mà Nhà nước là đại diện.

Câu 4. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức của pháp luật được hiểu là

A. ý chí của Nhà nước được thể hiện rõ ràng.

B. các quy luật của xã hội được thể hiện bằng lăng kính của Nhà nước.

C. từ ngữ phải được diễn đạt chính xác, một nghĩa.

D. các điều luật, bộ luật, ngành luật phải được ban hành đúng theo quy định của pháp luật.

Câu 5. Theo khoản 3, Điều 104 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: “Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại”. Điều này thể hiện đặc trưng gì của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- C. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
- D. Tính khách quan, ý chí.

Câu 6. Luật giao thông đường bộ được ban hành nhằm buộc mọi người khi tham gia giao thông phải tuân thủ đúng luật giao thông. Điều này thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. Tính ý chí.
- C. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 7. Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu sau: “Pháp luật phản ánh ý chí của....., bảo vệ....., bảo vệ bộ máy Nhà nước.....”

- A. nhân dân – giai cấp thống trị – giai cấp thống trị
- B. giai cấp thống trị – giai cấp thống trị – thể chế chính trị
- C. nhân dân – giai cấp thống trị – thể chế chính trị
- D. nhân dân – giai cấp cầm quyền – giai cấp thống trị

Câu 8. Các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành

- A. phù hợp với ý chí của nhân dân do Nhà nước đại diện.
- B. phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền do Nhà nước đại diện.
- C. phù hợp với nhu cầu và tính chất của xã hội.
- D. phù hợp với nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân.

Câu 9. Tính giai cấp của Nhà nước thể hiện ở những phương diện nào?

- A. kinh tế, chính trị, xã hội.
- B. kinh tế, văn hóa, xã hội.
- C. kinh tế, chính trị, văn hóa.
- D. kinh tế, chính trị, tư tưởng.

Câu 10. Pháp luật mang bản chất của xã hội vì

- A. pháp luật là nền tảng của sự phát triển xã hội.
- B. pháp luật bắt nguồn từ xã hội.
- C. pháp luật đem đến một hệ thống chính trị hoàn chỉnh.
- D. pháp luật góp phần giữ vững an ninh xã hội.

Câu 11. Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu nói sau của Hồ Chí Minh: “Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ vì nó bảo vệ.....rộng rãi cho nhân dân lao động.”

- A. lợi ích chính đáng.
- B. quyền và nghĩa vụ.
- C. quyền tự do dân chủ.
- D. quyền và lợi ích chính đáng.

Câu 12. Tính đến năm 2016, nước ta có bao nhiêu bản Hiến pháp?

- A. Ba.
- B. Bốn.
- C. Năm.
- D. Sáu.

Câu 13. Nhà nước ta điều hành đất nước bằng

- A. quân đội và chính quyền.
- B. quyền lực của nhân dân.
- C. lực lượng vũ trang và Công an nhân dân.
- D. Hiến pháp và pháp luật.

Câu 14. Từ ngày 15/12/2007, theo Nghị quyết số 32/2007/NQ-QH mọi người ngồi trên xe máy phải đội mũ bảo hiểm. Điều này thể hiện

- A. bản chất của pháp luật
- B. vai trò của pháp luật.
- C. nội dung của pháp luật.
- D. đặc trưng của pháp luật.

Câu 15. Luật giáo dục do cơ quan nào sau đây ban hành?

- A. Bộ Giáo dục và đào tạo.
- B. Chính phủ.
- C. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- D. Quốc hội.

Câu 16. Pháp luật và đạo đức là hai hiện tượng

- A. đều mang tính quy phạm.
- B. đều mang tính bắt buộc chung.
- C. đều là quy phạm tồn tại ở dạng thành văn.
- D. đều do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận.

Câu 17. Đâu không phải là vai trò của pháp luật?

- A. Là cơ sở để thiết lập, củng cố và tăng cường quyền lực Nhà nước.
- B. Là phương tiện để Nhà nước quản lý kinh tế - xã hội.
- C. Là cơ sở cho việc hoạt động của bộ máy Nhà nước.
- D. Góp phần tạo dựng mối quan hệ mới.

Câu 18. Pháp luật điều chỉnh mối quan hệ về Luật hôn nhân và gia đình nhưng không điều chỉnh mối quan hệ về tình bạn, tình yêu. Điều này thể hiện mối quan hệ giữa pháp luật với

- A. phong tục, tập quán.
- B. tín ngưỡng.
- C. tôn giáo.
- D. đạo đức.

Câu 19. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở Việt Nam ban hành năm 2004 ghi nhận trách nhiệm của toàn xã hội đối với việc chăm lo lợi ích cho trẻ em. Thể hiện điều gì của pháp luật?

- A. Bản chất của pháp luật.
- B. Đặc trưng của pháp luật.
- C. Vai trò của pháp luật.
- D. Nội dung của pháp luật.

Câu 20. “Người nào không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện, đã che giấu người phạm tội, các dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm trong những trường hợp mà bộ luật này quy định”. (Điều 21, Bộ luật hình sự 1999). Điều này thể hiện tính chất nào của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính ý chí.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- D. Tính khách quan.

Câu 21. Đây là đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật?

- A. Là văn bản do cơ quan Nhà nước ban hành hoặc công nhận
- B. Được áp dụng nhiều lần, ở phạm vi địa phương.
- C. Chứa đựng các quy tắc xử sự chung.
- D. Được đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của nhân dân.

Câu 22. Pháp luật là công cụ bảo vệ lợi ích của

- A. tổ chức chính trị xã hội.
- B. Nhà nước và xã hội.
- C. nhân dân.

D. giai cấp thống trị.

Câu 23. Phương thức tác động của Nhà nước lên quan hệ pháp luật là

- A. giáo dục.
- B. cưỡng chế.
- C. giáo dục, cưỡng chế.
- D. giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế.

Câu 24. Quản lý Nhà nước bằng pháp luật là phương pháp quản lý

- A. dân chủ và phức tạp nhất.
- B. dân chủ và hiệu quả nhất.
- C. hữu hiệu và hiệu quả nhất.
- D. hiệu quả và khó khăn nhất.

Câu 25. Nhà nước ban hành Hiến pháp vì

- A. Hiến pháp quy định các quyền cơ bản của công dân.
- B. Hiến pháp quyết định chặt chẽ về luật, đầy đủ mức độ nặng nhẹ của các quy phạm pháp luật.
- C. Hiến pháp chứa đựng các luật dân sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, thuế,...
- D. Chỉ có câu A và C đúng.

Câu 26. Cơ quan nào sau đây có quyền lập pháp, lập hiến?

- A. Chủ tịch nước.
- B. Quốc hội.
- C. Nhà nước.
- D. Chính phủ.

Câu 27. Tính quy phạm của đạo đức, tập quán có sự khác biệt cơ bản nhất đối với tính quy phạm phổ biến của pháp luật là

- A. chứa đựng các ứng xử mẫu.
- B. có tính bắt buộc chung.
- C. được áp dụng ở phạm vi rộng.
- D. được áp dụng giới hạn trong một phạm vi cụ thể.

Câu 28. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về vai trò của pháp luật?

- A. Là phương tiện để Nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội.
- B. Là phương tiện để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mỗi công dân.
- C. Là công cụ để thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.
- D. Là công cụ để bảo vệ mọi quyền và lợi ích của công dân.

Câu 29. Tính cưỡng chế của pháp luật được thể hiện ở

- A. những hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử phạt hành chính.
- B. những hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng hình phạt.
- C. những hành vi vi phạm pháp luật đều có thể bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.
- D. những hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý kỉ luật.

Câu 30. Nhận định nào sau đây đúng?

- A. Hiến pháp được xem là “cam kết tối cao” của Nhà nước trước nhân dân.
- B. Tính ý chí của pháp luật thể hiện ở ý chí của Nhà nước và công dân.
- C. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật là Nhà nước phải ban hành pháp luật và đưa pháp luật vào một bộ phận người dân.
- D. Không phải tất cả các quy phạm pháp luật nào cũng được áp dụng nhiều lần, nhiều nơi.

Câu 31. Pháp luật Xã hội chủ nghĩa là pháp luật

- A. mang đậm bản chất giai cấp và xã hội
- B. chịu ảnh hưởng sâu sắc của pháp luật tư sản.
- C. ra đời thứ tư, sau pháp luật phong kiến
- D. dân chủ, tiến bộ nhưng còn mang nặng tư tưởng phong kiến.

Câu 32. Cho các nhận định sau

- (1). Pháp luật phản ánh ý chí của giai cấp thống trị.
- (2). Trong luật hình sự các nước, tội xâm phạm an ninh quốc gia bao giờ cũng là trọng tội có mức hình phạt cao nhất.
- (3). Trong chừng mực nhất định, pháp luật ghi nhận ý chí chung của toàn xã hội, cân bằng lợi ích của cộng đồng với lợi ích giai cấp.
- (4). Nhà nước thực hiện quyền lực thông qua bộ máy cưỡng chế (quân đội, cảnh sát, nhà tù...)

Số nhận định không đúng là

- A. 0.
- B. 1.
- C. 2.
- D. 3.

Câu 33. Trong các đặc trưng của pháp luật, đặc trưng nào được xem là ranh giới để phân biệt

với các quy phạm xã hội khác?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

D. Tính chủ quan, ý chí.

Câu 34. Điều 34, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập”. Điều này phù hợp với

A. chuẩn mực đời sống tình cảm, tinh thần của con người.

B. nguyện vọng của mọi công dân.

C. quy tắc ứng xử trong đời sống xã hội.

D. Hiến pháp.

Câu 35. Quốc hội ban hành loại văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây?

A. Hiến pháp, Luật, Nghị quyết.

B. Hiến pháp, Luật, Nghị định.

C. Hiến pháp, Luật, Thông tư.

D. Hiến pháp, Luật, Lệnh.

Câu 36. Cho các nhận định sau

(1). Pháp luật là tiền đề, là cơ sở để Nhà nước quản lý xã hội.

(2). Pháp luật có quan hệ chặt chẽ với các phạm trù khác, tuy nhiên cũng có sự khác biệt nhất định.

(3). Pháp luật Xã hội chủ nghĩa chỉ có hai bản chất là tính giai cấp và tính xã hội.

(4). Chỉ có Quốc hội mới có thẩm quyền lập hiến và lập pháp.

Câu nhận định không đúng là

A. (1) và (2).

B. (1) và (3).

C. (3) và (4).

D. không có nhận định nào không đúng.

Câu 37. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Các thành viên gia đình có quyền, nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng nhau”. Điều này thể hiện

A. bản chất của pháp luật.

B. vai trò của pháp luật.

C. nội dung của pháp luật.

D. đặc trưng của pháp luật

Câu 38. Chính sách nào sau đây thuộc về chức năng đối nội của Nhà nước?

A. Tương trợ tư pháp giữa các quốc gia.

B. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

C. Tăng cường các mặt hàng xuất khẩu công nghệ cao.

D. Phòng thủ đất nước.

Câu 39. Bộ phận nào không có trong một quy phạm pháp luật?

A. Giả định.

B. Quy định.

C. Chế tài.

D. Chế định.

Câu 40. Một trong những bản chất của Nhà nước là

A. có chủ quyền quốc gia.

B. đặt ra thuế và thu thuế dưới hình thức bắt buộc.

C. tính xã hội.

D. Tất cả ý trên.

Câu 41. Pháp luật là những quy tắc xử sự chung, có nghĩa là

A. chỉ những người đủ tuổi theo quy định của pháp luật mới phải chịu sự ràng buộc của pháp luật.

B. có hiệu lực pháp lý cao nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam

C. về những việc được làm, những việc phải làm và những việc không được làm.

D. là những quy định bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật.

Câu 42. Pháp luật ra đời từ khi nào?

A. Từ khi loài người xuất hiện.

B. Từ khi có Vua.

C. Từ khi nhà nước ra đời.

D. Từ thời xa xưa.

Câu 43. Đặc trưng nào của pháp luật làm nên giá trị công bằng, bình đẳng của pháp luật?

A. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

D. Tính xác định chặt chẽ về mặt nội dung.

Câu 44. Để đảm bảo nguyên tắc thống nhất trong việc xây dựng và áp dụng pháp luật thì cần

A. tôn trọng tính tối cao của Luật và Hiến pháp.

B. đảm bảo tính thống nhất của pháp luật.

C. A và B đúng.

D. A và B sai.

Câu 45. Nhận định nào sau đây đúng?

- A. Một trong các đặc trưng cơ bản của pháp luật thể hiện ở tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. Pháp luật có tính bắt buộc chung có nghĩa là quy định những việc được làm, phải làm và không được làm.
- C. Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do Nhà nước ban hành thể hiện sức mạnh và quyền lực Nhà nước.
- D. Tính quy phạm phổ biến của pháp luật là pháp luật được áp dụng rộng rãi cho mọi công dân Việt Nam.

Câu 46. Hệ thống pháp luật bao gồm

- A. nhiều quy phạm pháp luật.
- B. nhiều điều khoản.
- C. nhiều chế định pháp luật.
- D. nhiều ngành luật.

Điền từ thích hợp vào chỗ trống

“Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính.....(Câu 47)....., do(Câu 48).....ban hành và đảm bảo thực hiện, thể hiện.....(Câu 49).....của giai cấp thống trị và phụ thuộc vào các điều kiện.....(Câu 50)....., là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Trả lời từ câu 47 đến câu 50:

Câu 47.

- A. bắt buộc. B. phục tùng. C. bắt buộc chung. D. pháp lý.

Câu 48.

- A. tổ chức. B. Nhà nước. C. giai cấp thống trị. D. cá nhân.

Câu 49.

- A. lý tưởng. B. ý chí. C. quyền lực. D. chủ quan.

Câu 50.

- A. kinh tế B. xã hội. C. kinh tế - xã hội. D. chính trị.

Câu 51. Hiến pháp đầu tiên của nước ta ban hành vào năm nào?

- A. 1946.
- B. 1959.
- C. 1986.
- D. 1992.

Câu 52. Nhà nước hay dùng các quy phạm đạo đức nào để biến nó thành các quy phạm pháp luật

- A. quen thuộc.
- B. nặng về tình cảm.
- C. ít phổ biến.
- D. phổ biến.

Câu 53. Đây là đặc trưng của pháp luật?

- A. Tính quy phạm khá phổ biến.
- B. Tính xác thực, khuôn mẫu.
- C. Tính xác định chặt chẽ về mặt nội dung.
- D. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

Câu 54. Nội dung nào dưới đây không phản ánh bản chất xã hội của pháp luật?

- A. Các quy phạm pháp luật bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội.
- B. Các quy phạm pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội.
- C. Các quy phạm pháp luật vì sự phát triển của xã hội.
- D. Các quy phạm pháp luật phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.

Câu 55. Anh A bị bệnh tâm thần, trong lúc không làm chủ được hành vi, anh A đã dùng dao làm chị B bị thương. Hành động của anh A

- A. không vi phạm pháp luật.
- B. là vi phạm pháp luật.
- C. bị xã hội lên án.
- D. chưa phù hợp với chuẩn mực đạo đức.

Câu 56. Câu hỏi: "Pháp luật là của ai, do ai và vì ai?" Đề cập đến vấn đề nào của pháp luật?

- A. Nội dung của pháp luật.
- B. Hình thức thể hiện của pháp luật.
- C. Khái niệm cơ bản của pháp luật.
- D. Bản chất của pháp luật.

Câu 57. Ưu thế vượt trội của pháp luật so với các quy phạm xã hội khác là

- A. tính cưỡng chế.
- B. tính rộng rãi.
- C. tồn tại trong thời gian dài.
- D. tính xã hội.

Câu 58. Hiến pháp mới nhất của nước ta là

- A. Hiến pháp 1992.

- B. Hiến pháp 2013.
- C. Hiến pháp 2015.
- D. Hiến pháp 1986.

Câu 59. “Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” (Điều 72 Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001). Đây là

- A. văn bản pháp luật.
- B. quy phạm pháp luật.
- C. bản chất của pháp luật.
- D. vai trò của pháp luật.

Câu 60. A (12 tuổi) và B (13 tuổi) rủ nhau đua xe trên đường đi học về. Không may B ngã xuống đường và bất tỉnh, sau đó được người dân xung quanh đưa đến bệnh viện. A và B sẽ bị xử lý như thế nào?

- A. A phải bồi thường cho B.
- B. A và B đều bị phạt tiền.
- C. Cảnh cáo, răn đe, kỷ luật A và B.
- D. Phạt tiền A và yêu cầu bồi thường cho B.

Câu 61. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế được thể hiện như thế nào?

- A. Pháp luật và kinh tế đều là những phương tiện cần thiết của Nhà nước.
- B. Kinh tế là cơ sở để sinh ra pháp luật.
- C. Pháp luật vừa phụ thuộc vào kinh tế, vừa tác động trở lại đối với kinh tế.
- D. Pháp luật là sự thể hiện của kinh tế.

Câu 62. “Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 10 triệu đến 100 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”. Bộ phận giả định là

- A. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa về dịch vụ.
- B. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng.
- C. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này.
- D. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Câu 63. Không có pháp luật xã hội sẽ không

- A. dân chủ và hạnh phúc.
- B. trật tự và ổn định.
- C. hòa bình và dân chủ.

D. sức mạnh và quyền lực.

Câu 64. Nhận định nào dưới đây thể hiện tính quy phạm phổ biến của pháp luật?

- A. Pháp luật là những nghĩa vụ mà công dân phải thực hiện.
- B. Pháp luật là quy định được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của Nhà nước.
- C. Pháp luật là khuôn mẫu chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi.
- D. Pháp luật là những chuẩn mực về những việc phải làm.

Câu 65. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đang được sử dụng là

- A. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2000.
- B. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2010.
- C. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.
- D. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2013.

Câu 66. Pháp luật là phương tiện để công dân bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình thông qua

- A. Tòa án.
- B. Viện kiểm sát.
- C. các bộ luật.
- D. các mối quan hệ xã hội.

Câu 67. Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm) thể hiện vấn đề nào của pháp luật?

- A. Phương thức tác động.
- B. Nội dung.
- C. Nguồn gốc.
- D. Hình thức thể hiện.

Câu 68. Nhà nước ta điều hành đất nước bằng

- A. văn hoá, giáo dục, chính trị.
- B. kế hoạch phát triển kinh tế.
- C. quân đội và chính quyền.
- D. Hiến pháp và pháp luật.

Câu 69. Nếu không có pháp luật thì xã hội sẽ ra sao?

- A. Tồn tại nhưng không phát triển được.
- B. Vẫn tồn tại và phát triển bình thường.
- C. Không thể tồn tại và phát triển.
- D. Chậm phát triển.

Câu 70. Luật bảo vệ môi trường do cơ quan nào sau đây ban hành?

- A. Bộ Tài nguyên môi trường.
- B. Chính phủ.
- C. Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- D. Quốc hội.

Câu 71. Vai trò nào sau đây không phải là của pháp luật?

- A. Công cụ để quản lý nhà nước.
- B. Giữ vững an ninh chính trị.
- C. Phương tiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân.
- D. Chăm lo đời sống tinh thần của nhân dân.

Câu 72. Điền vào chỗ trống sau: Pháp luật mang tính.....vì pháp luật do nhà nước ban hành và được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh của nhà nước.

- A. mệnh lệnh.
- B. chặt chẽ.
- C. quy phạm phổ biến.
- D. bắt buộc.

Câu 73. Trẻ em dưới mấy tuổi không được đi xe đạp người lớn?

- A. 11 tuổi.
- B. 12 tuổi.
- C. 13 tuổi.
- D. 14 tuổi.

Câu 74. Người nào sau đây được phép lái xe có dung tích xi lanh dưới 50 cm³?

- A. Người dưới 16 tuổi.
- B. Người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- C. Người đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- D. Người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Câu 75. Đặc điểm nào sau đây không phải là của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính thống nhất.
- C. Tính bắt buộc.
- D. Tính xác định chặt chẽ.

Câu 76. Vì sao nói pháp luật có tính quyền lực, bắt buộc chung?

- A. Vì pháp luật có tính cưỡng chế do nhà nước thực hiện.

- B. Vì pháp luật có tính bắt buộc do nhà nước thực hiện .
- C. Vì pháp luật do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước; bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức.
- D. Vì pháp luật bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức.

Câu 77. Anh H bị đình chỉ công tác vì đã ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho B khi biết biết rõ B chưa đủ tuổi cho đăng kí kết hôn. Việc anh H bị đình chỉ công tác thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật ?

- A. Tính quy phạm.
- B. Tính bắt buộc chung.
- C. Tính phổ biến.
- D. Tính quyền lực.

Câu 78. Khẳng định nào dưới đây thể hiện tính quy phạm phổ biến của pháp luật?

- A. Pháp luật là những nghĩa vụ mà công dân phải thực hiện.
- B. Pháp luật là quy định được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của Nhà nước.
- C. Pháp luật là khuôn mẫu chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi.
- D. Pháp luật là những chuẩn mực về những việc phải làm.

Câu 79. Nội dung nào sau đây không thuộc những vấn đề nền tảng được quy định trong Hiến pháp?

- A. Chế độ chính trị.
- B. Bản chất nhà nước.
- C. Tổ chức bộ máy nhà nước.
- D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 80. Ở nước ta, việc sửa đổi Hiến pháp phải được bao nhiêu đại biểu Quốc hội tán thành?

- A. 1/2 số đại biểu.
- B. 3/4 số đại biểu.
- C. 2/3 số đại biểu.
- D. 100% số đại biểu.

ĐÁP ÁN

1. A 2. A 3. D 4. C 5. A 6. A 7. B 8. B 9. D 10. B
 11. C 12. C 13. D 14. D 15. D 16. A 17. D 18. D 19. B 20. C
 21. A 22. D 23. D 24. C 25. D 26. B 27. D 28. A 29. C 30. A
 31. A 32. A 33. A 34. A 35. A 36. D 37. D 38. B 39. D 40. C
 41. D 42. C 43. A 44. C 45. A 46. D 47. C 48. B 49. B 50. C

51. A 52. D 53. D 54. D 55. A 56. D 57. A 58. B 59. A 60. C
61. C 62. D 63. B 64. C 65. C 66. C 67. A 68. D 69. C 70. D
71. D 72. D 73. B 74. B 75. B 76. C 77. D 78. C 79. D 80. C

1.2.2. Câu hỏi ôn tập bài 2

Câu 1. Thực hiện pháp luật là gì?

- A. quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào đời sống.
- B. các tổ chức, cá nhân thực hiện những hành vi hợp pháp.
- C. quá trình sử dụng pháp luật một cách hợp pháp vào thực tiễn đời sống.
- D. quá trình đưa pháp luật vào đời sống dưới nhiều hình thức khác nhau.

Câu 2. Có tất cả mấy hình thức thực hiện pháp luật?

- A. Ba.
- B. Bốn.
- C. Năm.
- D. Sáu.

Câu 3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: Các cá nhân, tổ chức sử dụng.....các quyền của mình làm những gì mà pháp luật cho phép làm.

- A. hợp pháp.
- B. công khai.
- C. đúng đắn.
- D. đầy đủ.

Câu 4. Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm. Đây là

- A. sử dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 5. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: Các cá nhân, tổ chức.....không làm những điều mà pháp luật.....

- A. kiểm soát - ngăn cản.
- B. kiểm chế - ngăn cản.
- C. kiểm chế - cấm.
- D. chủ động - cấm.

Câu 6. Anh Nguyễn Văn C chạy xe máy đi đúng làn đường và có đội mũ bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn C đã

- A. thi hành pháp luật.
- B. áp dụng pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 7. Chị H mở cơ sở kinh doanh và đã chủ động đăng ký khai thuế và nộp thuế. Chị H đã

- A. tuân thủ pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. sử dụng pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 8. Tòa án huyện A tuyên bố X bị phạt 3 năm tù vì tội cướp giật tài sản. Tòa án huyện A đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. tuân thủ pháp luật.

Câu 9. Nhận xét nào sau đây không đúng về vi phạm pháp luật?

- A. Đây là hành vi trái luật của người vi phạm.
- B. Người vi phạm pháp luật phải có lỗi và là người có năng lực trách nhiệm pháp lý.
- C. Chủ thể vi phạm pháp luật xâm hại đến các quan hệ xã hội mà pháp luật bảo vệ.
- D. Chủ thể vi phạm pháp luật chỉ có thể là cá nhân.

Câu 10. Hành vi trái luật của chủ thể còn được gọi là

- A. hành vi không hành động.
- B. hành vi hành động.
- C. hành vi bất hợp pháp.
- D. hành vi phi hành động.

Câu 11. Khi chủ thể làm những việc không được làm theo quy định của pháp luật thì ta gọi đây là hành vi

- A. hành động.
- B. bất hợp pháp.
- C. không hành động.
- D. phi hành động.

Câu 12. Sau khi mở công ty kinh doanh mặt hàng A,B,C. Anh H chỉ kê khai và đóng thuế mặt hàng A,B. Anh H đã thực hiện hành vi

- A. hành động.
- B. hợp pháp.
- C. không hành động.
- D. đúng luật.

Câu 13. Anh Z trốn tránh nghĩa vụ phụng dưỡng cha mẹ. Xét về hành vi, anh Z đã

- A. thực hiện hành vi mà pháp luật cấm.
- B. sử dụng quyền hạn vượt quá giới hạn cho phép.
- C. không làm tròn trách nhiệm của một người con.
- D. không thực hiện nghĩa vụ mà pháp luật bắt buộc phải thực hiện.

Câu 14. Yếu tố nào sau đây không nằm trong các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật?

- A. Mặt khách quan.
- B. Mặt chủ quan.
- C. Mặt khách thể.
- D. Mặt hành vi.

Câu 15. Lỗi của vi phạm pháp luật là lỗi

- A. cố ý và vô ý.
- B. cố ý.
- C. vô ý.
- D. nghiêm trọng.

Câu 16. Nhà nước đưa ra trách nhiệm pháp lý nhằm

- A. ổn định và thiết lập lại trật tự xã hội.
- B. ngăn chặn người vi phạm có thể phạm tội mới.
- C. buộc chủ thể vi phạm chấm dứt hành vi trái pháp luật, phải chịu những thiệt hại nhất định, ngăn đe người khác.
- D. buộc chủ thể vi phạm phải chấm dứt hành vi trái pháp luật, đưa ra những hình phạt nhất định.

Câu 17. Nhận xét nào sau đây không đúng về lỗi của hành vi vi phạm pháp luật?

- A. Chỉ có thể là lỗi vô ý hoặc cố ý.
- B. Lỗi là trạng thái tâm lý hay thái độ của chủ thể đối với hành vi của mình và đối với hậu quả của hành vi đó gây ra cho xã hội.
- C. Chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy được trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra là lỗi cố ý gián tiếp.
- D. Lỗi do chủ thể gây ra gồm cá nhân, tập thể, tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý.

Câu 18. Chủ thể của vi phạm pháp luật hình sự là

- A. cá nhân.
- B. tổ chức.
- C. cá nhân và tổ chức.
- D. cá nhân hoặc cơ quan.

Câu 19. Tội xâm phạm độc lập, chủ quyền quốc gia là tội

- A. vi phạm hình sự.
- B. vi phạm hành chính.
- C. vi phạm dân sự.
- D. vi phạm kỷ luật.

Câu 20. Trách nhiệm pháp lý là

- A. nghĩa vụ mà các chủ thể vi phạm pháp luật phải chịu những biện pháp cưỡng chế của nhà nước.
- B. quyền mà các chủ thể vi phạm pháp luật phải chịu những biện pháp cưỡng chế của nhà nước.
- C. trách nhiệm mà các chủ thể vi phạm pháp luật phải chịu những biện pháp cưỡng chế của nhà nước.
- D. hậu quả mà các chủ thể vi phạm pháp luật phải chịu những biện pháp cưỡng chế của nhà nước.

Câu 21. Theo quy định của pháp luật, người phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng là người

- A. từ đủ 14 tuổi trở lên.
- B. dưới 16 tuổi.
- C. từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.
- D. từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi.

Câu 22. Theo quy định của pháp luật, người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm là người

- A. đủ 15 tuổi trở lên.
- B. dưới 14 tuổi.
- C. đủ 16 tuổi trở lên.
- D. đủ 18 tuổi.

Câu 23. Theo quy định của pháp luật, người chưa thành niên là người

- A. đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- B. từ đủ 14 tuổi đến 18 tuổi.
- C. từ dưới 16 tuổi đến 18 tuổi.
- D. từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Câu 24. Việc xử lý người chưa thành niên dựa theo nguyên tắc nào là chủ yếu?

- A. cải tạo không giam giữ.
- B. án treo.
- C. giáo dục, răn đe.
- D. phạt tù.

Câu 25. Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý của chủ thể là

- A. mức độ gây thiệt hại của hành vi.
- B. khả năng nhận thức hành vi.
- C. ý chí của chủ thể.
- D. hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 26. Vi phạm hình sự ở mức độ tội phạm nghiêm trọng, khung hình phạt cao nhất là

- A. 5 năm.
- B. 7 năm.
- C. 12 năm.
- D. tử hình.

Câu 27. Theo pháp luật hình sự Việt Nam thì vi phạm pháp luật hình sự là hành vi

- A. nguy hiểm.
- B. rất nguy hiểm.
- C. đặc biệt nghiêm trọng.
- D. gây nguy hiểm nghiêm trọng.

Câu 28. Anh H chạy xe vượt đèn đỏ và gây tai nạn giao thông dẫn đến chết người. Anh H sẽ bị

- A. tạm giữ xe, xử lý hành chính.
- B. buộc khắc phục hậu quả do mình gây ra.
- C. tước quyền sử dụng giấy phép, xử lý hành chính.
- D. chịu trách nhiệm hình sự về tội cố ý làm chết người.

Câu 29. Vi phạm pháp luật hành chính là

- A. hành vi của cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới các quy tắc quản lý Nhà nước.
- B. hành vi của cá nhân hoặc tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới các quy tắc quản lý Nhà nước.
- C. hành vi của tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới các quy tắc quản lý Nhà nước.

D. hành vi của tập thể thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới các quy tắc quản lý Nhà nước.

Câu 30. Do có mâu thuẫn từ trước, nhân lúc anh Y không để ý, anh M đã dùng gậy đánh vào lưng anh Y (giám định thương tật 10%). Trong trường hợp này anh M bị xử phạt như thế nào?

- A. Bị cảnh cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại cho anh Y.
- B. Xử phạt hành chính anh M và yêu cầu bồi thường thiệt hại cho anh Y.
- C. Cảnh cáo và phạt tiền anh M.
- D. Không xử phạt anh M vì tỉ lệ thương tật chưa đạt từ 11% trở lên.

Câu 31. Theo quy định của pháp luật, người bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính do lỗi cố ý là người

- A. từ đủ 14 tuổi.
- B. từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.
- C. từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- D. từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Câu 32. Theo quy định của pháp luật, người bị xử phạt hành chính về mọi tội phạm hành chính do mình gây ra là người

- A. từ đủ 16 tuổi trở lên.
- B. từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- C. từ đủ 18 tuổi trở lên.
- D. từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Câu 33. Trong các hành vi dưới đây, hành vi nào thể hiện chủ thể đã sử dụng pháp luật?

- A. Anh K không mua bán và tàng trữ vũ khí trái phép.
- B. Chị X đăng kí kinh doanh, khai thuế và nộp thuế.
- C. Anh A gửi đơn khiếu nại lên Ủy ban Nhân dân tỉnh.
- D. Cảnh sát giao thông xử phạt người tham gia giao thông uống rượu bia vượt nồng độ cho phép.

Câu 34. Khi chủ thể chịu trách nhiệm hình sự về khung hình phạt là phạt tiền, thì mức hình phạt tối thiểu là

- A. 500.000 đồng.
- B. 1.000.000 đồng.
- C. 2.000.000 đồng.
- D. 3.000.000 đồng.

Câu 35. Vi phạm dân sự là hành vi trái luật, có lỗi, xâm hại đến

- A. trật tự quản lý kinh tế - xã hội.

- B. quan hệ quản lý hành chính nhà nước.
- C. quan hệ quản lý trật tự xã hội.
- D. quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

Câu 36. Hành vi nào sau đây là hành vi vi phạm dân sự?

- A. Chị D chạy xe vượt đèn đỏ.
- B. Anh P có hành vi chống đối người thi hành công vụ.
- C. Chị K lợi dụng quyền hạn ăn hối lộ tài sản của công ty.
- D. Anh V đã không làm tròn trách nhiệm đã ký trong hợp đồng dân sự.

Câu 37. Đối tượng của vi phạm hành chính là

- A. cá nhân.
- B. tổ chức.
- C. cá nhân và tổ chức.
- D. cán bộ và cơ quan nhà nước.

Câu 38. Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện các giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, điều này áp dụng đối với người

- A. từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi.
- B. từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- C. từ đủ 6 tuổi đến đủ 16 tuổi.
- D. từ đủ 6 tuổi đến đủ 14 tuổi.

Câu 39. “Khi một người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình”. Theo quy định của pháp luật, đây là người

- A. không có năng lực hành vi dân sự.
- B. hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- C. mất năng lực hành vi dân sự.
- D. chưa đủ năng lực hành vi dân sự.

Câu 40. Người không có năng lực hành vi dân sự là người

- A. bị bệnh tâm thần.
- B. chưa thành niên.
- C. nghiện ma túy, chất kích thích.
- D. mắc các bệnh bẩm sinh, không làm chủ được hành vi.

Câu 41. Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự là người

- A. bị bệnh tâm thần.
- B. chưa thành niên.

C. nghiện ma túy, chất kích thích.

D. mắc các bệnh bẩm sinh, không làm chủ được hành vi.

Câu 42. Nhận xét nào sau đây không đúng?

A. Người thành niên là người đủ 18 tuổi trở lên.

B. Người chưa đủ 6 tuổi là người không có năng lực hành vi dân sự.

C. Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích là người bị mất năng lực hành vi dân sự.

D. Người chưa thành niên khi thực hiện giao dịch thì cần phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

Câu 43. Quan hệ nào sau đây không phải là quan hệ pháp luật?

A. Chị A làm thủ tục nhận B làm con nuôi.

B. Quan hệ tình yêu nam nữ.

C. Chị M đi chợ mua thịt.

D. Quan hệ lao động.

Câu 44. Vi phạm kỷ luật là vi phạm pháp luật xâm phạm các quan hệ

A. hành chính, cơ quan Nhà nước.

B. lao động, công sở, đơn vị.

C. tổ chức, kinh tế, chính trị.

D. nhân thân, tài sản.

Câu 45. Đối với công chức, các hình thức kỷ luật bao gồm

A. khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức.

B. khiển trách, cảnh cáo, phạt đền, buộc xin lỗi.

C. khiển trách, cảnh cáo, cách chức, bãi nhiệm.

D. khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, phạt vi phạm.

Câu 46. Hình thức kỷ luật đối với cán bộ gồm

A. khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức.

B. khiển trách, cảnh cáo, phạt đền, buộc xin lỗi.

C. khiển trách, cảnh cáo, cách chức, bãi nhiệm.

D. khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, phạt vi phạm.

Câu 47. Thực hiện pháp luật bao gồm

A. bốn hình thức cơ bản.

B. ba hình thức chính và một hình thức phụ.

C. tối thiểu là ba hình thức.

D. nhiều hình thức khác nhau.

Câu 48. B bị công an quận X bắt vì hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép động vật quý hiếm. Hành vi này của B đã vi phạm pháp luật nào dưới đây?

- A. Phòng chống tội phạm.
- B. Kinh doanh trái phép.
- C. Tàng trữ động vật quý hiếm.
- D. Phòng chống mua bán.

Câu 49. N điều khiển xe máy không đội mũ bảo hiểm, khi bị cảnh sát giao thông thổi phạt thì N phải chịu trách nhiệm nào sau đây?

- A. Hình sự.
- B. Dân sự.
- C. Hành chính.
- D. Kỷ luật.

Câu 50. Hành vi nào sau đây vi phạm pháp luật dân sự?

- A. Đến công ty mượn không lý do chính đáng.
- B. Điều khiển phương tiện giao thông đi ngược chiều.
- C. Làm mất tài sản của nhà trường.
- D. Không tuân thủ các điều khoản của hợp đồng.

Câu 51. Hình thức xử phạt nào sau đây không thuộc xử phạt hành chính ?

- A. Cảnh cáo.
- B. Bồi thường.
- C. Phạt tù.
- D. Phạt tiền.

Câu 52. Hình thức xử phạt nào sau đây không thuộc xử phạt hình sự?

- A. Án treo.
- B. Cải tạo không giam giữ.
- C. Phạt tù.
- D. Cảnh cáo.

Câu 53. Trường hợp nào sau đây thì mới được bắt, giam, giữ người?

- A. Bắt người khi đang bị tình nghi có hành vi vi phạm pháp luật.
- B. Bắt, giam, giữ người khi người này có dấu hiệu nghiện ma túy.
- C. Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.
- D. Bắt giam người khi người này có người thân phạm pháp luật.

Câu 54. Trách nhiệm pháp lý là trách nhiệm của

- A. mọi người.
- B. chỉ những người có đủ 18 tuổi trở lên.
- C. chủ thể vi phạm pháp luật.
- D. Người có hành vi không hợp đạo đức.

Câu 55. Phương hướng chính để đề phòng và hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật là

- A. xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.
- B. hoàn chỉnh cơ chế thực thi pháp luật một cách có hiệu quả.
- C. xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật.
- D. đẩy mạnh phát triển kinh tế song song với chính sách xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí.

Câu 56. Ông N vận chuyển gia cầm bị bệnh, bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và buộc phải tiêu hủy hết số gia cầm bị bệnh này. Đây là biện pháp chế tài

- A. dân sự.
- B. hình sự.
- C. hành chính.
- D. kỷ luật.

Câu 57. Công ty X xả chất thải ra sông làm cá chết hàng loạt, gây ô nhiễm nặng môi trường. Trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với công ty này là

- A. trách nhiệm hành chính.
- B. trách nhiệm hình sự.
- C. trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự.
- D. trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự.

Câu 58. Trong các nghĩa vụ sau đây nghĩa vụ nào không phải là nghĩa vụ pháp lý?

- A. Con cái có nghĩa vụ phụng dưỡng cha mẹ già.
- B. Người kinh doanh phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.
- C. Thanh niên đủ 18 tuổi phải thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- D. Đoàn viên thanh niên phải chấp hành điều lệ của Đoàn.

Câu 59. Trong các hành vi sau đây, hành vi nào phải chịu trách nhiệm về mặt hình sự?

- A. Vi phạm hợp đồng mua bán nhà đất.
- B. Làm thiệt hại tài sản của cơ quan Nhà nước.
- C. Vượt đèn đỏ gây chết người.
- D. Tham gia giao thông không có giấy phép lái xe.

Câu 60. Trong các hành vi dưới đây hành vi nào thể hiện công dân áp dụng pháp luật?

- A. Người tham gia giao thông không vượt qua ngã tư khi có tín hiệu đèn đỏ.

- B. Công dân A gửi đơn khiếu nại lên cơ quan nhà nước.
- C. Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm.
- D. Anh A chị B đến UBND phường đăng ký kết hôn.

Câu 61. Thực hiện pháp luật là hoạt động có

- A. nguyên tắc.
- B. mục đích.
- C. mục tiêu.
- D. kế hoạch.

Câu 62. Vi phạm pháp luật là hành vi xâm hại đến

- A. các quan hệ đạo đức được pháp luật bảo vệ.
- B. các quan hệ giữa các công dân được pháp luật bảo vệ.
- C. các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- D. các quan hệ kinh tế được pháp luật bảo vệ.

Câu 63. Học sinh Y đánh học sinh X nhập viện. Hành vi của Y đã vi phạm

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỷ luật.

Câu 64. Năng lực trách nhiệm pháp lí của công dân không bao gồm yếu tố nào dưới đây?

- A. Người có khả năng chịu trách nhiệm về những việc làm của mình.
- B. Người đạt đến một độ tuổi nhất định.
- C. Người nhận thức và điều khiển được hành vi của mình.
- D. Người không có khả năng điều khiển được hành vi của mình.

Câu 65. Theo quy định của pháp luật, có mấy trường hợp được bắt người?

- A. Một trường hợp.
- B. Hai trường hợp.
- C. Ba trường hợp.
- D. Bốn trường hợp.

Câu 66. Chị M thường xuyên đi làm muộn và không hoàn thành công việc được giao trong công ty. Việc làm của chị M là vi phạm

- A. dân sự và hành chính.
- B. hành chính.
- C. hình sự.

D. kỉ luật.

Câu 67. Trong việc điều chỉnh hành vi của con người, pháp luật khác đạo đức ở điểm nào dưới đây?

- A. Tự giác.
- B. Tự nguyện.
- C. Bắt buộc.
- D. Xã hội lên án.

Câu 68. Hành vi nào sau đây không phải là biểu hiện của thi hành pháp luật?

- A. Con cái phụng dưỡng cha mẹ.
- B. Công dân bảo vệ Tổ quốc.
- C. Công dân không buôn bán ma túy
- D. Công dân tham gia nghĩa vụ quân sự.

Câu 69. Trường hợp nào người bị bắt khẩn cấp cần được trả tự do ngay?

- A. Quyết định bắt người không được phê chuẩn.
- B. Người đó bị oan.
- C. Có người khác thú tội để mình oan cho người đó.
- D. Người đó bị ốm, phải mang đi cấp cứu.

Câu 70. Người đã bị Tòa án đưa ra xét xử gọi là

- A. bị cáo.
- B. bị can.
- C. bị khởi tố.
- D. tội phạm.

ĐÁP ÁN

1. A 2. B 3. C 4. A 5. C 6. C 7. B 8. C 9. D 10. C
11. A 12. C 13. D 14. D 15. A 16. C 17. C 18. C 19. A 20. A
21. C 22. C 23. A 24. C 25. D 26. B 27. A 28. D 29. B 30. B
31. B 32. A 33. C 34. B 35. D 36. D 37. C 38. B 39. B 40. B
41. C 42. C 43. B 44. B 45. A 46. C 47. A 48. B 49. C 50. D
51. C 52. D 53. C 54. B 55. D 56. C 57. C 58. D 59. C 60. C
61. B 62. C 63. D 64. D 65. B 66. D 67. C 68. A 69. B 70. A

1.2.3. Câu hỏi ôn tập bài 3

Câu 1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là mọi công dân

- A. đều có quyền như nhau.

- B. đều có nghĩa vụ như nhau.
- C. đều có quyền và nghĩa vụ giống nhau.
- D. đều bình đẳng về quyền và làm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Câu 2. Tòa án xét xử các vụ án sản xuất hàng giả không phụ thuộc vào người bị xét xử là ai, giữ chức vụ gì. Điều này thể hiện quyền bình đẳng nào của công dân?

- A. Bình đẳng về quyền tự chủ trong kinh doanh.
- B. Bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh.
- C. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Bình đẳng về quyền lao động.

Câu 3. Công dân bình đẳng trước pháp luật là

- A. công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.
- B. công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.
- C. công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.
- D. công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

Câu 4. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ được hiểu là

- A. mọi công dân đều được hưởng quyền như nhau theo quy định của pháp luật.
- B. mọi công dân đều phải có nghĩa vụ như nhau theo quy định của pháp luật.
- C. mọi công dân đều được bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật.
- D. mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ giống nhau.

Câu 5. Điền vào chỗ trống: Trách nhiệm pháp lý là nghĩa vụ của các cá nhân hoặc tổ chức phải..... hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

- A. gánh chịu.
- B. nộp phạt.
- C. đền bù.
- D. bị trừng phạt.

Câu 6. Khi nói đến bình đẳng có thể hiểu là vấn đề nào được đề cập trước hết?

- A. Quyền lợi.
- B. Cách đối xử.
- C. Trách nhiệm.
- D. Nghĩa vụ.

Câu 7. Bạo lực trong gia đình thể hiện điều gì trong các ý dưới đây?

- A. Thiếu tình cảm.
- B. Thiếu kinh tế.
- C. Thiếu tập trung.
- D. Thiếu bình đẳng.

Câu 8. Điền vào chỗ trống: Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là mọi công dân, nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

- A. hạn chế khả năng.
- B. ràng buộc bởi các quan hệ.
- C. khống chế về năng lực.
- D. phân biệt đối xử.

Câu 9. Bình đẳng trước pháp luật là một trong những của công dân

- A. quyền chính đáng.
- B. quyền thiêng liêng.
- C. quyền cơ bản.
- D. quyền hợp pháp.

Câu 10. Ý nào sau đây không đúng?

- A. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.
- B. Công dân Việt Nam phải có nghĩa vụ Bảo vệ Tổ quốc.
- C. Quyền và nghĩa vụ công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần, địa vị xã hội.
- D. Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ như nhau đều phải chịu trách nhiệm pháp lí khác nhau.

Câu 11. Quyền và nghĩa vụ công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần, địa vị xã hội, thể hiện ở

- A. công dân bình đẳng về quyền.
- B. công dân bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

Câu 12. Quyền và nghĩa vụ công dân được quy định trong

- A. chính sách kinh tế, văn hóa, chính trị.
- B. Hiến pháp và Pháp luật.
- C. các văn bản quy phạm pháp luật.
- D. các thông tư, nghị quyết.

Câu 13. Trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật không thể hiện qua việc

- A. quy định quyền và nghĩa vụ công dân trong Hiến pháp và Luật.
- B. tạo ra các điều kiện bảo đảm cho công dân thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật.
- C. không ngừng đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật.
- D. hạn chế việc thay đổi các Luật, bộ Luật.

Câu 14. Việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật là trách nhiệm của

- A. Nhà nước.
- B. Nhà nước và xã hội.
- C. Nhà nước và pháp luật.
- D. Nhà nước và công dân.

Câu 15. Những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân sẽ bị nhà nước

- A. ngăn chặn, xử lí.
- B. xử lí nghiêm minh.
- C. xử lí thật nặng.
- D. xử lí nghiêm khắc.

Câu 16. Quyền và nghĩa vụ của công dân được nhà nước quy định trong

- A. Hiến pháp.
- B. Hiến pháp và luật.
- C. Luật.
- D. Luật và chính sách.

Câu 17. Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ vi phạm như nhau, trong một hoàn cảnh như nhau thì đều phải chịu trách nhiệm pháp lí

- A. như nhau.
- B. ngang nhau.
- C. bằng nhau.
- D. có thể khác nhau.

Câu 18. Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi

- A. dân tộc, giới tính, tôn giáo.
- B. thu nhập, tuổi tác, địa vị.
- C. dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo.
- D. dân tộc, độ tuổi, giới tính.

Câu 19. Học tập là một trong những

- A. nghĩa vụ của công dân.
- B. quyền của công dân.
- C. trách nhiệm của công dân.
- D. quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 20. Ông A là giám đốc Sở giáo dục – đào tạo tỉnh B, ông đã lợi dụng chức vụ để tham nhũng công quỹ. Tòa án nhân dân tỉnh B đã xét xử ông A đúng theo quy định của pháp luật. Điều này thể hiện

- A. công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- B. công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- C. công dân bình đẳng về quyền và trách nhiệm pháp lý
- D. công dân bình đẳng trước pháp luật.

Câu 21. Việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật là trách nhiệm của

- A. Nhà nước.
- B. Nhà nước và xã hội.
- C. Nhà nước và pháp luật.
- D. Nhà nước và công dân.

Câu 22. Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ là bình đẳng về việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ.
- B. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ nghĩa là mọi công dân đều có quyền như nhau.
- C. Pháp luật có vai trò bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân.
- D. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là công dân ở bất kỳ độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.

Câu 23. Cho các nhận định sau:

- (1). Quyền và nghĩa vụ công dân được quy định trong Hiến pháp và pháp luật.
- (2). Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.
- (3). Công dân phải có nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân.
- (4). Bình đẳng trước pháp luật là một trong những quyền thiêng liêng của công dân.

Số nhận định không đúng là

- A. Một.
- B. Hai.
- C. Ba.
- D. Bốn.

Câu 24. A và B cùng nhau hợp tác vận chuyển thuốc lá lậu qua biên giới. Khi bị bắt, công an đã tha tội cho B vì đây là bạn của mình, nhưng xử phạt A. Hành vi của công an

- A. hợp tình, hợp lý.
- B. vi phạm bình đẳng về quyền.
- C. vi phạm bình đẳng về nghĩa vụ.
- D. vi phạm bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

Câu 25. Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đây là bình đẳng về

- A. quyền và nghĩa vụ.
- B. trách nhiệm pháp lý.
- C. trước Tòa án nhân dân.
- D. thực hiện pháp luật.

Câu 26. Nội dung nào sau đây không nói về công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ?

- A. Công dân bình đẳng về quyền trong hợp đồng dân sự.
- B. Công dân bình đẳng về nghĩa vụ nộp thuế.
- C. Công dân bình đẳng về nghĩa vụ nộp tiền vào quỹ tiết kiệm giúp người nghèo.
- D. Công dân bình đẳng về quyền ứng cử.

Câu 27. Bất kỳ công dân nào, nếu đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều có quyền bầu cử, ứng cử, tự do lựa chọn nghề nghiệp. Điều này thể hiện

- A. công dân bình đẳng về quyền.
- B. công dân bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. công dân bình đẳng về cơ hội.
- D. công dân bình đẳng về trách nhiệm.

Câu 28. Bất kỳ công dân nào, nếu đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều có nghĩa vụ nộp thuế, bảo vệ Tổ quốc. Điều này thể hiện

- A. công dân bình đẳng về quyền.
- B. công dân bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. công dân bình đẳng về cơ hội.
- D. công dân bình đẳng về trách nhiệm.

Câu 29. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là

- A. công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử theo quy định của pháp luật.
- B. mọi công dân đều có quyền lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích của mình.
- C. mọi công dân đủ từ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào đại biểu Quốc hội.
- D. những người có cùng mức thu nhập (trên 60 triệu đồng/năm) phải đóng thuế thu nhập như nhau.

Câu 30. Chủ tịch C lợi dụng cán bộ A để chiếm đoạt tài sản công ở cơ quan. Khi xử lí C, cơ quan điều tra dựa vào

- A. bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- B. bình đẳng về quyền dân chủ.
- C. bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. bình đẳng về trách nhiệm xã hội.

ĐÁP ÁN

1. D 2. B 3. A 4. C 5. A 6. A 7. D 8. D 9. C 10. D
 11. C 12. B 13. D 14. C 15. B 16. B 17. A 18. C 19. D 20. B
 21. C 22. D 23. A 24. D 25. B 26. C 27. A 28. B 29. D 30. A

2. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 12 số 1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 12

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 12

Câu 1. Khi yêu cầu vợ mình phải nghỉ việc để chăm sóc gia đình, anh A đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ

- A. nhân thân. B. tài sản C. gia đình. D. tình cảm.

Câu 2. Nhận định nào dưới đây không đúng về nội dung bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Mọi công dân đều có quyền tự do kinh doanh theo ý muốn của mình.
- B. Mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm
- C. Mọi loại hình doanh nghiệp đều bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh
- D. Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Câu 3. Biểu hiện nào dưới đây là thể hiện sự bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Vợ chồng bình đẳng, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.
- B. Chỉ có người vợ phải thực hiện kế hoạch hóa gia đình.
- C. Chỉ có người chồng mới có quyền chọn nơi cư trú và thời gian sinh con.
- D. Người vợ phải làm theo các quyết định của chồng.

Câu 4. Chủ thể của hợp đồng lao động là

- A. người sử dụng lao động và đại diện người lao động.
- B. người lao động và người sử dụng lao động.

C. đại diện người lao động và người sử dụng lao động.

D. người lao động và đại diện người lao động.

Câu 5. Luật giao thông đường bộ quy định: Chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường... Ai không tuân thủ quy tắc này là

A. vi phạm kỷ luật B. vi phạm nội quy

C. vi phạm pháp luật D. vi phạm trật tự

Câu 6. Ý kiến nào dưới đây là không đúng về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?

A. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ

B. Các tôn giáo hợp pháp đều có quyền hoạt động theo quy định của pháp luật

C. Các tôn giáo đều có quyền hoạt động theo ý muốn của mình.

D. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp đều được nhà nước tôn trọng và bảo hộ.

Câu 7. Một trong những nội dung về bình đẳng trong thực hiện quyền lao động là mọi người đều có quyền lựa chọn

A. làm việc theo sở thích của mình.

B. việc làm phù hợp với khả năng của mình mà không bị phân biệt đối xử.

C. điều kiện làm việc theo nhu cầu của mình.

D. thời gian làm việc theo ý muốn chủ quan của mình.

Câu 8. Hình thức xử phạt chính đối với người vi phạm hành chính là

A. tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ

B. phạt tiền, cảnh cáo

C. tịch thu tang vật, phương tiện

D. buộc khắc phục hậu quả do mình gây ra

Câu 9. Khẳng định nào dưới đây thể hiện quyền bình đẳng trong kinh doanh?

A. Mọi cá nhân, tổ chức kinh doanh đều được quyền vay vốn của Nhà nước.

B. Mọi cá nhân, tổ chức kinh doanh đều được ưu tiên lựa chọn nơi kinh doanh.

C. Mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế đều bình đẳng theo quy định của PL

D. Mọi cá nhân, tổ chức kinh doanh đều được ưu tiên miễn giảm thuế.

Câu 10. Vi phạm hình sự ở mức độ tội phạm nghiêm trọng đối với người chưa thành niên, khung hình cao nhất là

A. 7 năm B. 5 năm C. 3 năm D. 8 năm

Câu 11. Anh T yêu chị H. Hai người quyết định kết hôn nhưng bố chị H không đồng ý vì anh T và chị H không cùng đạo. Nếu H là chị em, em sẽ lựa chọn cách dưới đây cho phù hợp quy định của PL?

- A. Khuyên anh chị cứ kết hôn, kệ bố.
- B. Đồng ý với bố.
- C. Khuyên bố cho anh chị kết hôn.
- D. Phân tích cho bố hiểu ngăn cản chị kết hôn như vậy là trái pháp luật.

Câu 12: Anh A là công an, khi tham gia giao thông bằng xe máy anh quên không đội mũ bảo hiểm. Chiến sĩ CSGT đang làm nhiệm vụ yêu cầu anh A dừng xe xử lý. Theo em anh A bị xử lý như thế nào là đúng quy định của PL?

- A. Bị phạt 150.000 đồng
- B. Bị phạt 100.000 đồng
- C. Nhắc nhở vì là công an.
- D. Giữ thẻ công an.

Câu 13. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt như thế nào?

- A. Xử phạt 1 hành vi
- B. Xử phạt hành vi nguy hiểm nhất
- C. Xử phạt hành vi gần nhất
- D. Xử phạt tất cả các hành vi

Câu 14. Trong cùng một điều kiện như nhau, công dân được hưởng quyền và có nghĩa vụ như nhau, nhưng mức độ sử dụng các quyền và nghĩa vụ đó đến đâu phụ thuộc rất nhiều vào

- A. khả năng, nhu cầu, lợi ích của mỗi người.
- B. tâm lý, kinh nghiệm, năng lực của mỗi người.
- C. khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của mỗi người.
- D. trách nhiệm, sở trường, năng lực của mỗi người.

Câu 15. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định về việc luân chuyển một số cán bộ từ các cơ sở về tăng cường cho Ủy ban nhân dân các huyện miền núi. Trong trường hợp này, Chủ tịch UBND tỉnh đã

- A. sử dụng PL B. tuân thủ PL
- C. thi hành PL D. áp dụng PL

Câu 16. Đảng và Nhà nước ban hành các chương trình phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào các dân tộc và miền núi nhằm

- A. rút ngắn khoảng cách chênh lệch về xã hội.
- B. tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số có cơ hội vươn lên phát triển kinh tế, văn hóa xã hội.
- C. rút ngắn khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế.
- D. rút ngắn khoảng cách chênh lệch về trình độ văn hóa.

Câu 17. Tôn giáo nào dưới đây không được pháp luật Việt Nam bảo hộ?

A. Đạo Hồ Chí Minh B. Đạo thiên chúa

C. Đạo cao đài D. Đạo phật

Câu 18. Quản lý xã hội bằng phương tiện nào sau đây là hữu hiệu nhất?

A. Chính trị. B. Pháp luật.

C. Tôn giáo. D. Kinh tế.

Câu 19: Theo quy định của Bộ luật lao động, người lao động ít nhất phải đủ

A. 15 tuổi B. 18 tuổi C. 14 tuổi D. 16 tuổi

Câu 20. Bình đẳng dựa trên nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau không phân biệt đối xử trong mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội là nội dung bình đẳng về

A. Lao động B. Kinh doanh

C. Tôn giáo D. Hôn nhân và gia đình

Câu 21. Anh A là chồng, thường xuyên đánh đập vợ là chị B. Hành vi của anh A vi phạm quan hệ nào trong quan hệ vợ chồng sau đây?

A. Quan hệ tài sản B. Quan hệ kinh tế

C. Quan hệ nhân thân D. Quan hệ xã hội

Câu 22. Mối quan hệ nào dưới đây thể hiện nội dung cơ bản trong quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật?

A. Quan hệ gia đình và quan hệ xã hội

B. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản

C. Quan hệ giữa vợ chồng và quan hệ giữa chồng với họ hàng nội, ngoại

D. Quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống

Câu 23. Pháp luật qui định người từ bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm do mình gây ra?

A. 18 tuổi trở lên B. 15 tuổi trở lên

C. 17 tuổi trở lên D. 16 tuổi trở lên

Câu 24. Pháp luật được ban hành dưới dạng nào?

A. Văn bản dưới luật B. Văn bản luật

C. Văn bản D. Công văn

Câu 25. Pháp luật mang bản chất xã hội vì

A. PL bắt nguồn từ đời sống thực tiễn xã hội.

B. PL do nhà nước ban hành.

C. PL phục vụ đời sống xã hội.

D. PL do nhân dân xây dựng nên.

Câu 26. Cơ quan nào của Nhà nước có quyền ban hành và sửa đổi Hiến pháp, pháp luật?

- A. Quốc hội B. Viện kiểm sát
C. Tòa án D. Văn phòng chính phủ

Câu 27. Anh T yêu chị H. Hai người quyết định kết hôn nhưng bố chị H không đồng ý vì anh T và chị H không cùng đạo. Bố chị H đã vi phạm quyền gì dưới đây?

- A. Bình đẳng trong văn hóa
B. Bình đẳng trong các hoạt động tín ngưỡng
C. Bình đẳng giữa các tôn giáo
D. Bình đẳng giữa các dân tộc

Câu 28. Trường hợp kết hôn trái pháp luật sẽ bị xử lý như thế nào cho đúng quy định của pháp luật?

- A. Từ hôn B. Hủy hôn C. Hứa hôn D. Li hôn

Câu 29. Các dân tộc không bị phân biệt đối xử, được pháp luật và Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển là biểu hiện của

- A. quyền tự quyết dân tộc.
B. quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
C. quyền tự do dân chủ giữa các dân tộc.
D. quyền tự do phát triển giữa các dân tộc.

Câu 30. Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo được hoạt động

- A. hoàn toàn tự do.
B. hoàn toàn tự chủ.
C. Tự do theo quy định của tín ngưỡng.
D. tự do trong khuôn khổ của PL.

Câu 31. Anh H lái xe ô tô trên đường, do không quan sát kỹ nên va vào anh C làm anh C bị thương nhưng anh H vẫn tiếp tục đi. CSGT xử lý anh H như thế nào cho đúng PL?

- A. Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.
B. Nhắc nhở.
C. Bỏ qua.
D. Phạt tiền đến 6.000.000 đồng.

Câu 32. Học sinh A là con em đồng bào dân tộc thiểu số theo học tại các trường chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học được hưởng chính sách ưu tiên nào dưới đây của Đảng và nhà nước?

- A. Miễn giảm học phí và trợ cấp học tập
B. Hỗ trợ phương tiện đi lại
C. Hỗ trợ về chỗ ở
D. Định hướng chương trình học tập

Câu 33. Ba thanh niên chờ nhau trên một xe máy bị CSGT yêu cầu dừng xe, lập biên bản xử phạt hành chính. Trong trường hợp trên, CSGT đã

- A. thi hành PL B. sử dụng PL
- C. tuân thủ PL D. áp dụng PL

Câu 34. Nhà hàng xóm của em có người mắc bệnh ung thư phổi, họ tin vào lời đồn đại là nhờ cô đồng làm lễ giải hạn là sẽ khỏi bệnh. Em ủng hộ quan điểm nào sau đây cho đúng đắn?

- A. Kệ họ vì chẳng liên quan đến mình.
- B. Ủng hộ nhiệt tình.
- C. Khuyến họ không nên làm lễ.
- D. Phân tích cho họ thấy đó là hành vi vi phạm PL.

Câu 35. Công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ như nhau, trong một hoàn cảnh như nhau, từ người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước cho đến người lao động bình thường đều phải chịu trách nhiệm pháp lí

- A. khác nhau. B. tương tự nhau.
- C. cùng nhau. D. như nhau.

Câu 36. Trong các hành vi dưới đây, hành vi nào là vi phạm hành chính?

- A. Đánh mất xe của người khác.
- B. Thường xuyên đi làm muộn.
- C. Vượt đèn vàng.
- D. Làm hàng giả với số lượng lớn.

Câu 37. Người có hành vi vi phạm PL hình sự thì bị coi là

- A. Nghi phạm B. Đồng phạm
- C. Tội phạm D. Bị can

Câu 38. Bất kỳ công dân nào VPPL đều phải gánh chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình. Đó là nội dung về quyền bình đẳng của CD về

- A. nghĩa vụ. B. trách nhiệm.
- C. trách nhiệm pháp lí. D. quyền và nghĩa vụ.

Câu 39: Anh A kinh doanh mặt hàng VLXD. Hàng tháng, anh đến cơ quan thuế để nộp thuế. Như vậy, anh A đã

- A. tuân thủ PL B. thi hành PL
- C. sử dụng PL D. áp dụng PL

Câu 40. Theo quy định của pháp luật, quyền của công dân không tách rời

- A. lợi ích hợp pháp của công dân.
- B. trách nhiệm pháp lí của công dân.
- C. nghĩa vụ của công dân.

D. nhu cầu chính đáng của công dân.

ĐÁP ÁN

1A; 2A; 3A; 4B; 5C; 6C; 7B; 8B; 9C; 10A; 11D; 12A; 13D; 14C; 15D;
16B; 17A; 18B; 19A; 20D; 21C; 22B; 23D; 24B; 25A; 26A; 27C; 28B; 29B; 30D;
31D; 32A; 33D; 34D; 35D; 36C; 37C; 38C; 39B; 40C

3. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 12 số 2

TRƯỜNG THPT NGUYỄN CHÍ THANH

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 12

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 12

Câu 1: Điều nào sau đây không đúng khi nói về các đặc trưng của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính quy tắc xử sự chung của Nhà nước.
- C. Tính quyền lực bắt buộc chung.
- D. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

Câu 2: Hoàn thành khái niệm sau: Pháp luật là

- A. hệ thống các qui định chung do nhà nước ban hành.
- B. hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật.
- C. hệ thống các qui tắc xử sự chung do nhà nước ban hành.
- D. hệ thống các điều luật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Câu 3: Phương tiện hữu hiệu nhất để Nhà nước quản lý xã hội là:

- A. kế hoạch.
- B. pháp luật.
- C. tổ chức .
- D. giáo dục.

Câu 4: Giá trị công bằng, bình đẳng của pháp luật được tạo nên bởi

- A. Tính kỉ luật.
- B. Tính răn đe.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính phổ biến.

Câu 5: Pháp luật xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp nào trong xã hội?

- A. Giai cấp nông dân.

- B. Giai cấp công nhân.
- C. Giai cấp tư sản.
- D. Giai cấp thống trị.

Câu 6: Hành vi nào dưới đây là áp dụng pháp luật?

- A. Công dân thực hiện quyền tự do kinh doanh.
- B. Đi xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm.
- C. Cảnh sát giao thông phạt người vi phạm.
- D. Dừng xe trước đèn đỏ.

Câu 7: Đây là hành vi thi hành pháp luật?

- A. Đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp điện.
- B. Giám đốc công ty ra quyết định tiếp nhận cán bộ.
- C. Không đốt pháo, vận chuyển pháo.
- D. nam nữ đủ tuổi đăng kí kết hôn.

Câu 8: Hoạt động nào dưới đây là thực hiện đúng pháp luật về bảo vệ môi trường?

- A. Vệ sinh trường lớp sạch sẽ.
- B. Đốt rừng làm nương.
- C. Tiêu thụ động, thực vật hoang dã.
- D. Khai thác rừng đầu nguồn.

Câu 9: Hành vi trái luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ là dấu hiệu:

- A. vi phạm pháp luật.
- B. thực hiện pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- D. trách nhiệm pháp lí.

Câu 10: Hình thức áp dụng pháp luật do ai thực hiện?

- A. Do cán bộ nhà nước thực hiện.
- B. Do công chức nhà nước thực hiện.
- C. Do cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền thực hiện.
- D. Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiện.

Câu 11: Công an bắt người trong trường hợp nào sau đây thì không vi phạm quyền bất khả xâm phạm?

- A. Hai học sinh gây gổ với nhau trong cấm trại hè.
- B. Hai nhà hàng xóm cãi nhau.

C. Bà C nói xấu con dâu.

D. Tên trộm đang bẻ khóa xe để lấy trộm xe.

Câu 12: Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp nào sau đây thì được chở tối đa 2 người?

A. Chở người bệnh đi cấp cứu.

B. Trẻ em dưới 14 tuổi.

C. Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.

D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 13: Độ tuổi nào được phép điều khiển xe máy có dung tích xi lanh dưới 50cm³?

A. Từ đủ 16 tuổi trở lên.

B. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

C. Từ đủ 17 tuổi trở lên.

D. Từ đủ 14 tuổi trở lên.

Câu 14: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác với tỉ lệ thương tật là 11% trở lên thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm pháp lý nào?

A. trách nhiệm hình sự.

B. trách nhiệm dân sự.

C. trách nhiệm hành chính.

D. trách nhiệm kỉ luật.

Câu 15: Luật Hôn nhân và gia đình quy định độ tuổi kết hôn với nam từ đủ 20 tuổi trở lên và nữ đủ từ 18 tuổi trở lên. Anh Hmong ở vùng sâu có tục lệ lấy vợ sớm từ lúc 14 tuổi theo tục lệ của bản làng. Trong trường hợp này, anh Hmong không thực hiện đặc trưng nào của pháp luật?

A. Tính quy phạm, phổ biến.

B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

C. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

D. Tính nghiêm minh.

Câu 16: Xe máy điện được quy định dùng cho người đủ bao nhiêu tuổi trở lên?

A. 12 tuổi trở lên.

B. 14 tuổi trở lên.

C. 16 tuổi trở lên.

D. 18 tuổi trở lên.

Câu 17: Do xích mích, nhóm học sinh nữ (17 tuổi) đã dùng giày cao gót đánh vào mặt, tát, đấm, xé áo, bắt bạn nữ quỳ xuống xin lỗi và quay video tung lên mạng xã hội đối với bạn D

khiến bạn phải nhập viện và bị sang chấn tâm lý nghiêm trọng. Nhóm học sinh này bị truy cứu trách nhiệm nào dưới đây?

- A. trách nhiệm hình sự.
- B. trách nhiệm dân sự.
- C. trách nhiệm hành chính.
- D. trách nhiệm kỉ luật.

Câu 18: Phát hiện E đang bẻ khóa để lấy xe máy, công an viên B xông vào bắt giữ rồi đưa người và tang vật về trụ sở Công an phường. Vì E kháng cự quyết liệt nên anh B đã buông lời nhục mạ và đánh gãy tay E. Trong trường hợp này, anh B không vi phạm quyền nào dưới đây?

- A. Bất khả xâm phạm về tính mạng.
- B. Được bảo hộ về nhân phẩm.
- C. Được bảo hộ về sức khỏe.
- D. Bất khả xâm phạm về thân thể.

Câu 19: Trong trường hợp nào dưới đây thì bất kỳ ai cũng có quyền được bắt người?

- A. Đang chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội.
- B. Đang phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.
- C. Có dấu hiệu thực hiện hành vi phạm tội.
- D. Bị nghi ngờ phạm tội.

Câu 20: Cơ sở kinh doanh karaoke X chưa đảm bảo quy định phòng cháy chữa cháy nên trong quá trình sửa chữa, tia lửa từ máy hàn bắn ra đã gây hỏa hoạn làm 5 người tử vong. Trong trường hợp này, chủ thể nào dưới đây phải chịu trách nhiệm hình sự?

- A. Chủ cơ sở kinh doanh karaoke X.
- B. thợ hàn.
- C. Lực lượng phòng cháy.
- D. Các đoàn thanh tra liên ngành.

Câu 21: Quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định trong:

- A. Hiến pháp.
- B. Hiến pháp và luật.
- C. luật Hiến pháp.
- D. luật và chính sách.

Câu 22: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi:

- A. dân tộc, giới tính, tuổi tác, tôn giáo.
- B. thu nhập, tuổi tác, địa vị.
- C. dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo.

D. dân tộc, độ tuổi, giới tính.

Câu 23: Tham gia quản lí Nhà nước và xã hội là một trong những:

A. quyền, bổn phận của công dân.

B. trách nhiệm của công dân.

C. nghĩa vụ của công dân.

D. quyền, nghĩa vụ của công dân.

Câu 24: Công dân bình đẳng trước pháp luật là:

A. Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

B. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.

C. Công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.

D. Công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.

Câu 25: Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ là:

A. mọi công dân đều được hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật.

B. mọi công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau.

C. công dân nào cũng được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.

D. mọi công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau trừ một số đối tượng được hưởng đặc quyền theo quy định.

Câu 26: Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được hiểu là:

A. Bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng và giữa các thành viên trong gia đình.

B. Bình đẳng về quyền.

C. Tất cả các thành viên trong gia đình có trách nhiệm như nhau.

D. Bình đẳng về nghĩa vụ.

Câu 27: Theo em đáp án nào đúng nhất về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay là:

A. Hôn nhân tự nguyện, một vợ, một chồng.

B. Vợ chồng có nghĩa vụ thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

C. Vợ chồng bình đẳng.

D. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ một vợ, một chồng, vợ chồng bình đẳng; Vợ chồng có nghĩa vụ thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Câu 28: Bình đẳng trong quan hệ vợ chồng được thể hiện qua quan hệ nào sau đây?

A. Quan hệ vợ chồng và quan hệ giữa vợ chồng với họ hàng nội, ngoại.

- B. Quan hệ gia đình và quan hệ XH.
- C. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.
- D. Quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống.

Câu 29: Nội dung nào sau đây thể hiện sự bình đẳng giữa anh chị em trong gia đình?

- A. Có bổn phận thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau.
- B. Không phân biệt đối xử giữa các con.
- C. Yêu quý kính trọng ông bà cha mẹ.
- D. Có quyền ngang nhau trong lựa chọn nơi cư trú.

Câu 30: Nội dung nào dưới đây không thể hiện bình đẳng giữa cha mẹ và con:

- A. Cha mẹ phải yêu thương, nuôi dưỡng chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con.
- B. Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con.
- C. Con có bổn phận yêu quý, kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.
- D. Con cả có trách nhiệm nuôi dưỡng khi cha mẹ về già.

Câu 31: Các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hoá, chủng tộc, màu da đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển được hiểu là?

- A. Quyền bình đẳng giữa các cá nhân.
- B. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- C. Quyền bình đẳng giữa các công dân.
- D. Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

Câu 32: Dân tộc được hiểu theo nghĩa là:

- A. một bộ phận dân cư của một quốc gia.
- B. một dân tộc thiểu số.
- C. một dân tộc ít người.
- D. một cộng đồng có chung lãnh thổ.

Câu 33: Các dân tộc Việt Nam đều có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình thể hiện nội dung nào?

- A. Bình đẳng về chính trị.
- B. Bình đẳng về kinh tế.
- C. Bình đẳng về văn hóa.
- D. Bình đẳng về giáo dục.

Câu 34: Việc đảm bảo tỉ lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực của Nhà nước thể hiện:

- A. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- B. Quyền bình đẳng giữa các công dân.
- C. Quyền bình đẳng giữa các vùng miền.
- D. Quyền bình đẳng trong công việc chung của Nhà nước.

Câu 35: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc có ý nghĩa?

- A. Là cơ sở đoàn kết riêng của dân tộc thiểu số.
- B. Là cơ sở đoàn kết giữa các dân tộc, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- C. Là cơ sở đoàn kết của các tôn giáo.
- D. Tạo nên sức mạnh riêng cho sự phát triển của các dân tộc.

Câu 36: Bất kì ai cũng có quyền được bắt người, khi người đó đang:

- A. bị nghi ngờ phạm tội.
- B. có dấu hiệu thực hiện phạm tội.
- C. thực hiện hành vi phạm tội.
- D. chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội.

Câu 37: Người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử gọi là:

- A. bị hại.
- B. bị cáo.
- C. bị can.
- D. bị kết án.

Câu 38: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân nhằm:

- A. ngăn chặn hành vi tùy tiện bắt giữ người trái với quy định của pháp luật.
- B. bảo vệ sức khỏe cho công dân theo quy định của pháp luật.
- C. ngăn chặn hành vi vô cớ đánh người.
- D. bảo vệ về mặt tinh thần, danh dự, nhân phẩm của công dân.

Câu 39: Hành vi nào sau đây là xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác?

- A. Tự vệ chính đáng khi bị người khác hành hung.
- B. Khống chế và bắt giữ người phạm tội quả tang.
- C. Hai võ sĩ đánh nhau trên võ đài.
- D. Đánh người gây thương tích.

Câu 40: Đánh người là hành vi xâm phạm quyền được pháp luật bảo hộ về:

- A. nhân phẩm và danh dự của công dân.
- B. tính mạng và sức khỏe của công dân.
- C. tinh thần của công dân.

D. thân thể của công dân.

ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	21	B
2	C	22	C
3	B	23	D
4	C	24	A
5	B	25	A
6	C	26	A
7	A	27	D
8	A	28	C
9	D	29	A
10	C	30	D
11	D	31	B
12	D	32	A
13	A	33	C
14	A	34	A
15	A	35	B
16	C	36	C
17	A	37	B
18	D	38	A
19	B	39	D
20	A	40	B

4. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 12 số 3

TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH
ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 12

Năm học 2021 - 2022**Môn: GDCD - Lớp 12**

Câu 1: Một trong những đặc trưng cơ bản của pháp luật là:

- A. tính truyền thống.
- B. tính hiện đại.
- C. tính đa nghĩa.
- D. tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

Câu 2: Pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên trong xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội nên pháp luật mang bản chất:

- A. công dân.
- B. giai cấp.
- C. xã hội.
- D. tập thể.

Câu 3: Trong việc điều chỉnh hành vi con người, pháp luật khác đạo đức ở điểm nào dưới đây?

- A. Tự giác.
- B. Tự nguyện.
- C. Bắt buộc.
- D. Xã hội lên án.

Câu 4: Pháp luật là phương tiện để công dân:

- A. thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
- B. bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.
- C. thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
- D. tự do thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Câu 5: Pháp luật là phương tiện để nhà nước:

- A. quản lý xã hội.
- B. phục vụ lợi ích của mình.
- C. phát huy quyền lực chính trị.
- D. kiểm soát hoạt động của mỗi công dân.

Câu 6: Đây là khẳng định đúng về tuân thủ pháp luật?

- A. Làm những việc mà pháp quy định phải làm.
- B. Làm những việc tùy thuộc vào khả năng của mình.
- C. Không làm những việc mà pháp luật cấm.

D. Làm những việc mà pháp luật cho phép làm.

Câu 7: Xâm phạm các quy tắc về quản lí nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật:

- A. hành chính.
- B. hình sự.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 8: Trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với người vi phạm hình sự từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên?

- A. Từ đủ 12 tuổi trở lên.
- B. Từ đủ 14 tuổi trở lên.
- C. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 9: Trách nhiệm pháp lý được áp dụng nhằm:

- A. buộc các chủ thể vppl chấm dứt hành vi trái pháp luật.
- B. buộc các chủ thể phải nộp phạt hành chính.
- C. bắt người vi phạm giao cho công an.
- D. buộc các chủ thể tiếp tục hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 10: Hành vi nào dưới đây vi phạm hành chính?

- A. Đi xe máy gây tai nạn làm chết người.
- B. Đi xe máy không đội mũ bảo hiểm.
- C. Làm giả giấy tờ tùy thân.
- D. Cán bộ, công nhân đi làm muộn giờ.

Câu 11: Nhà nước quy định quyền và nghĩa vụ công dân trong Hiến pháp và luật nhằm:

- A. đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.
- B. thể hiện quyền lực của mình.
- C. hoàn thiện hệ thống pháp luật.
- D. bảo vệ Nhà nước và công dân.

Câu 12: Việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật là trách nhiệm của:

- A. Nhà nước.
- B. Nhân dân.
- C. Các tổ chức chính trị.
- D. Các tổ chức xã hội.

Câu 13: Biểu hiện của bình đẳng trong hôn nhân là:

- A. Người chồng phải giữ vai trò chính trong đóng góp về kinh tế và quyết định công việc lớn trong gia đình.
- B. Công việc của người vợ là nội trợ gia đình và chăm sóc con cái, quyết định các khoản chi tiêu hàng ngày của gia đình.
- C. Vợ, chồng cùng bàn bạc, tôn trọng ý kiến của nhau trong việc quyết định các công việc của gia đình.
- D. Người vợ quyết định việc sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

Câu 14: Luật hôn nhân gia đình năm 2014 qui định độ tuổi kết hôn:

- A. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.
- B. Nam 20 tuổi, nữ 18 tuổi.
- C. Nam 22 tuổi nữ 20 tuổi.
- D. Nam 19 tuổi, nữ 18 tuổi.

Câu 15: Sau khi sinh con, để thuận lợi cho công tác và chăm sóc con, chị A bàn với chồng chuyển đến nhà sống cùng bố mẹ đẻ của chị, chồng chị đã vui vẻ đồng ý. Việc làm trên thể hiện :

- A. Bình đẳng trong quan hệ tài sản.
- B. Bình đẳng trong quan hệ nhân thân.
- C. Bình đẳng trong tình cảm vợ chồng.
- D. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

Câu 16: Nội dung nào sau đây thể hiện bình đẳng trong lao động:

- A. Cùng thực hiện đúng nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.
- B. Tự do lựa chọn các hình thức kinh doanh.
- C. Có cơ hội như nhau trong tiếp cận việc làm.
- D. Tự chủ trong kinh doanh để nâng cao hiệu quả cạnh tranh.

Câu 17: Một trong các nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động?

- A. Công bằng.
- B. Dân chủ.
- C. Trách nhiệm.
- D. Tự do, tự nguyện, bình đẳng.

Câu 18: Trường THPT dân tộc nội trú của tỉnh H có học sinh thuộc nhiều dân tộc khác nhau trong tỉnh, trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ của trường học sinh đều được khuyến khích hát các bài hát và biểu diễn các điệu múa đặc sắc của dân tộc mình. Đó là...

- A. Biểu hiện của quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- B. Biểu hiện của bản sắc dân tộc, không phải là bản biểu hiện của quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

C. Biểu hiện chủ trương, khuyến khích hoạt động văn hóa, văn nghệ.

D. Biểu hiện của bản sắc dân tộc.

Câu 19: Ý kiến nào dưới đây thể hiện Nhà nước quan tâm tạo điều kiện thực hiện quyền bình đẳng về kinh tế:

A. Cho người dân vay vốn với lãi suất thấp.

B. Đầu tư tài chính để mở mang trường lớp ở vùng sâu, vùng xa.

C. Đầu tư xây dựng nhà văn hóa ở các thôn.

D. Hỗ trợ gạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

Câu 20: Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực kinh tế?

A. Công dân các dân tộc thiểu số được Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu.

B. Công dân các dân tộc thiểu số và đa số có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật.

C. Chỉ có công dân các dân tộc thiểu số mới có quyền tự do kinh doanh ở các tỉnh miền núi.

D. Chỉ có công dân các dân tộc thiểu số mới có quyền tự do đầu tư kinh doanh ở địa bàn miền núi.

Câu 21: Trong trường PTDT Nội Trú nhà trường luôn khuyến khích học sinh mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình, hát, múa các tiết mục văn nghệ đặc sắc của dân tộc mình. Việc làm trên thể hiện quyền gì của công dân?

A. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

B. Quyền tự do giữa các dân tộc.

C. Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo.

D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 22: Nhà nước có chính sách phát triển kinh tế đối với vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc. Chủ trương này của Nhà nước là tạo điều kiện để nhân dân các dân tộc được bình đẳng với nhau trên lĩnh vực gì?

A. Chính trị.

B. Giáo dục.

C. Y tế.

D. Kinh tế.

Câu 23: Cơ quan nào có quyền ra lệnh bắt giam giữ người?

A. Cơ quan thi hành án cấp huyện.

B. Phòng điều tra tội phạm công an tỉnh.

C. Các đội cảnh sát tuần tra giao thông.

D. Tòa án, Viện Kiểm Sát, Cơ quan điều tra các cấp.

Câu 24: Hành vi vi phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được thể hiện của việc làm nào dưới đây?

- A. Đánh người gây thương tích.
- B. Bắt, giam, giữ người trái pháp luật.
- C. Khám xét nhà khi không có lệnh.
- D. Tự tiện bóc mở thư của người khác.

Câu 25: Để bắt người đúng pháp luật, cần tuân thủ đúng:

- A. công đoạn.
- B. giai đoạn.
- C. trình tự, thủ tục.
- D. thời điểm.

Câu 26: Hành vi nào sau đây xâm hại đến quyền được pháp luật bảo hộ về nhân phẩm và danh dự của công dân?

- A. Vu khống người khác.
- B. Bóc mở thư của người khác.
- C. Tự ý vào chỗ ở của người khác.
- D. Bắt người không có lý do.

Câu 27: Hành vi nào sau đây xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

- A. Tự ý đuổi người khác khỏi chỗ ở của họ.
- B. Chủ nhà trọ phá khóa vào phòng trọ chữa cháy.
- C. Mọi người dân sang chữa cháy khi chủ nhân không có nhà.
- D. Công an vào khám nhà khi có lệnh của tòa án.

Câu 28: Hành vi tự ý vào nhà hoặc phòng trọ của người khác là xâm phạm đến quyền:

- A. bí mật đời tư của công dân.
- B. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- C. bất khả xâm phạm về tài sản của công dân.
- D. bí mật tự do tuyệt đối của công dân.

Câu 29: Để thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân đòi hỏi mỗi người phải:

- A. tôn trọng chỗ ở của người khác
- B. tôn trọng bí mật của người khác.
- C. tôn trọng tự do của người khác.
- D. tôn trọng quyền riêng tư của người khác.

Câu 30: Hành vi đánh người xâm phạm đến:

- A. thân thể của công dân.
- B. tính mạng và sức khỏe của công dân.
- C. danh dự của công dân.
- D. nhân phẩm của công dân.

Câu 31: Hành vi nào sau đây xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

- A. Tự ý đuổi người khác khỏi chỗ ở của họ.
- B. Chủ nhà trọ phá khóa vào phòng chữa cháy khi người thuê không có mặt.
- C. Hàng xóm sang chữa cháy khi chủ nhân không có nhà.
- D. Công an vào khám nhà khi có lệnh của tòa án.

Câu 32: Hành vi tự ý vào nhà hoặc phòng ở của người khác là xâm phạm đến quyền:

- A. Quyền bí mật đời tư của công dân.
- B. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- C. Quyền bất khả xâm phạm về tài sản của công dân.
- D. Quyền bí mật tự do tuyệt đối của công dân.

Câu 33: A có việc vội ra ngoài không tắt máy tính, B tự ý mở ra đọc những dòng tâm sự của A trên email. Hành vi này xâm phạm:

- A. quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự của công dân.
- B. quyền tự do dân chủ của công dân.
- C. quyền bảo đảm an toàn bí mật thư tín của công dân.
- D. quyền tự do ngôn luận của công dân.

Câu 34: Ý kiến nào là đúng với quyền tự do ngôn luận của công dân?

- A. Phải hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật.
- B. Được phát biểu ở bất cứ nơi nào mình muốn.
- C. Được tự do tuyệt đối trong phát biểu ý kiến.
- D. Được tùy ý gặp bất cứ ai để phỏng vấn.

Câu 35: Anh A thấy anh B đang vào nhà hàng xóm trộm tài sản, anh A có quyền gì sau đây?

- A. Bắt anh B và giam giữ tại nhà riêng.
- B. Bắt anh B giao cho người hàng xóm hành hạ.
- C. Bắt anh B giao cho Ủy ban nhân dân gần nhất.
- D. Đánh anh B buộc A trả lại tài sản cho người hàng xóm.

Câu 36: Nghi ngờ ông A lấy cắp tiền của mình, ông B cùng con trai tự ý vào nhà ông A khám xét. Hành vi này xâm phạm đến quyền nào dưới đây?

- A. Quyền được pháp luật bảo hộ về nhân phẩm và danh dự của công dân.

- B. Quyền được đảm bảo bí mật đời tư của công dân.
- C. Quyền nhân thân của công dân.
- D. Quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân.

Câu 37: Do nghi ngờ nhà bà B sản xuất hàng giả nên công an phường và dân quân tự ý phá cửa nhà bà B và vào khám nhà bà. Hành vi của công an phường và dân quân đã vi phạm quyền nào sau đây?

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự.
- C. Quyền tự do ngôn luận.
- D. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

Câu 38: Sau một thời gian yêu nhau anh A và chị B chia tay. Sau khi chia tay anh A đăng nhiều hình ảnh nhạy cảm xúc phạm chị B trên mạng xã hội. Việc này làm chị B rất buồn và đau khổ. Trong trường hợp này em chọn cách ứng xử nào để giúp chị B?

- A. Khuyên chị không cần để tâm đến kẻ xấu đó.
- B. Khuyên chị B trình báo với công an.
- C. Khuyên chị gửi tin nhắn cho mọi người để thanh minh.
- D. Khuyên chị B đến vạch trần bộ mặt anh A.

Câu 39: Do nghi ngờ nhà bà B sản xuất hàng giả nên công an phường và dân quân tự ý phá cửa nhà bà B và vào khám nhà bà. Hành vi của công an phường và dân quân đã vi phạm quyền nào sau đây?

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự.
- C. Quyền tự do ngôn luận.
- D. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

Câu 40: Vào ban đêm, B vào nhà ông X ăn trộm. Ông X bắt được, trói và giữ lại tại nhà để tra hỏi. Đến sáng hôm sau, ông X mới dẫn Bình đến công an xã. Hỏi ông X vi phạm vào quyền gì dưới đây của công dân?

- A. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự.
- B. Quyền nhân thân của công dân.
- C. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- D. Quyền bất khả xâm phạm về tinh thần của công dân.

ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	D	21	A

2	C	22	D
3	C	23	D
4	C	24	B
5	A	25	C
6	C	26	A
7	A	27	A
8	B	28	B
9	A	29	A
10	B	30	B
11	A	31	A
12	A	32	B
13	C	33	C
14	A	34	A
15	B	35	C
16	C	36	D
17	D	37	D
18	A	38	B
19	A	39	D
20	B	40	A

5. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 12 số 4

TRƯỜNG THPT TÂY THẠNH

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 12

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 12

Câu 1: Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ thể hiện mối quan hệ nào dưới đây?

- A. Pháp luật với đạo đức.
- B. Pháp luật với cộng đồng.

- C. Pháp luật với xã hội.
- D. Pháp luật với gia đình.

Câu 2: Người không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông thì bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ là nói đến đặc trưng nào của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
- C. Tính quyền lực bắt buộc chung.
- D. Tính nhân văn.

Câu 3: Trong các văn bản dưới đây văn bản nào là quy phạm pháp luật?

- A. Nội quy nhà trường.
- B. Điều lệ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
- C. Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực An toàn giao thông.
- D. Quy ước làng văn hóa.

Câu 4: Có nhiều quy định của pháp luật rất gần gũi với với cuộc sống đời thường, nhất là trong lĩnh vực hôn nhân, gia đình, giao thông đường bộ, bảo vệ môi trường ... Quy định này nói về bản chất nào của pháp luật?

- A. Bản chất giai cấp.
- B. Bản chất xã hội.
- C. Bản chất giai cấp và xã hội.
- D. Bản chất giai cấp cầm quyền.

Câu 5: Do thực trạng tai nạn giao thông ngày càng gia tăng, Nhà nước đã quy định xử phạt hành chính đối với những người không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe đạp điện, xe máy điện. Điều này thể hiện bản chất nào dưới đây của pháp luật?

- A. Giai cấp.
- B. Xã hội.
- C. Chính trị.
- D. Kinh tế.

Câu 6: Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ thể hiện mối quan hệ nào dưới đây?

- A. Pháp luật với đạo đức.
- B. Pháp luật với cộng đồng.
- C. Pháp luật với xã hội.
- D. Pháp luật với gia đình.

Câu 7: Bạn A hỏi bạn B: Trong các qui định sau, qui định nào là qui phạm pháp luật?

- A. Học sinh phải mang đồng phục của nhà trường khi tới lớp.
- B. Qui định của Hội liên hiệp phụ nữ.
- C. Công dân phải trung thành với Tổ quốc.
- D. Qui định của Đoàn thanh niên.

Câu 8: Theo Nghị định 146/CP/2007 người ngồi trên xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông, khi phát hiện bị phạt từ 100.000đ đến 200.000đ, điều này thể hiện:

- A. tính quy phạm phổ biến của pháp luật.
- B. tính quyền lực bắt buộc chung của pháp luật.
- C. tính xác định chặt chẽ về hình thức của pháp luật.
- D. bản chất giai cấp của pháp luật.

Câu 9: Vì sao Nhà nước phải quản lí xã hội bằng pháp luật?

- A. Để quản lí một cách phù hợp nhất.
- B. Để quản lí dân chủ và hiệu quả nhất.
- C. Để đất nước ngày càng tự do.
- D. Để đất nước ngày càng giàu mạnh.

Câu 10: Quá trình xây dựng pháp luật, Nhà nước luôn đưa những quy phạm đạo đức có tính phổ biến phù hợp với sự phát triển và tiến bộ của xã hội vào quy phạm pháp luật. Đặc trưng này thể hiện mối quan hệ giữa pháp luật với yếu tố nào?

- A. Kinh tế.
- B. Chính trị.
- C. Đạo đức.
- D. Phong tục tập quán.

Câu 11: Một trong những dấu hiệu làm căn cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật là hành vi:

- A. do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện.
- B. do người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện.
- C. do người trên 18 tuổi thực hiện.
- D. do người từ trên 16 đến 18 tuổi thực hiện.

Câu 12: Bồi thường thiệt hại về vật chất khi có hành vi xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân được áp dụng với người có hành vi vi phạm:

- A. hành chính.
- B. dân sự.
- C. hình sự.
- D. kỉ luật.

Câu 13: Hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả có giá trị dưới 20 triệu đồng, không gây hậu quả nghiêm trọng thì bị xử lí:

- A. trách nhiệm hình sự.
- B. trách nhiệm hành chính.
- C. trách nhiệm dân sự.
- D. trách nhiệm pháp lí.

Câu 14: Hành vi nào thể hiện hình thức sử dụng pháp luật?

- A. Anh A bán chiếc xe máy mà anh là chủ sở hữu.
- B. Bạn M tự ý sử dụng máy tính của bạn cùng lớp.
- C. Bạn C mượn sách của bạn B nhưng không giữ gìn bảo quản.
- D. Anh H lấy trộm tiền của chị M khi chị không cảnh giác.

Câu 15: Việc làm nào thể hiện hình thức tuân thủ pháp luật?

- A. Em H không hỏi trước mà tự ý sử dụng của bạn cùng lớp.
- B. Em B đã lấy điện thoại của chị đi cầm đồ thì thiếu tiền chơi game.
- C. Nhà bạn A không bán hàng giả, hàng kém chất lượng.
- D. Bạn H đã lấy trộm xe đạp của bạn mang đi bán lấy tiền.

Câu 16: Những người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, nếu vi phạm pháp luật giao thông đường bộ thì:

- A. bị xử lí theo pháp luật dân sự.
- B. bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm hành chính do cố ý gây ra.
- C. bị kỉ luật của cơ quan có thẩm quyền.
- D. Bị xử phạt hình sự theo quy định của pháp luật.

Câu 17: Việc xử lí người vi phạm pháp luật căn cứ vào:

- A. mức độ thiệt hại.
- B. thái độ thành khẩn của người vi phạm.
- C. thành phần địa vị xã hội của người vi phạm.
- D. tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và hậu quả do hành vi đó gây ra.

Câu 18: Nam thanh niên đủ từ 18 đến 25 tuổi thực hiện đúng nghĩa vụ quân sự, thanh niên đó đã:

- A. sử dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. tuân thủ pháp luật.

Câu 19: Người đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tham gia giao dịch dân sự phải:

- A. chịu trách nhiệm về hình sự.
- B. được người đại diện theo pháp luật đồng ý.
- C. Chịu trách nhiệm về các công việc giao dịch dân sự.
- D. Không có trách nhiệm dân sự.

Câu 20: Bên thuê nhà không trả tiền đúng thời điểm, đúng phương thức như đã thỏa thuận với bên cho thuê. Đó là hành vi vi phạm pháp luật:

- A. Hình Sự
- B. Dân Sự.
- C. Hành chính.
- D. Kỉ luật.

Câu 21: Ở Việt Nam, mọi công dân nam khi đủ 17 tuổi phải đăng kí nghĩa vụ quân sự là thể hiện công dân bình đẳng trong việc:

- A. chịu trách nhiệm pháp lí.
- B. thực hiện nghĩa vụ.
- C. thực hiện quyền.
- D. chịu trách nhiệm pháp luật.

Câu 22: Công ty xuất nhập khẩu thủy hải sản X luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty X đã thực hiện:

- A. nghĩa vụ của công dân.
- B. quyền của công dân.
- C. bổn phận của công dân.
- D. quyền, nghĩa vụ của công dân.

Câu 23: Trong cùng một điều kiện như nhau, nhưng mức độ sử dụng quyền và nghĩa vụ của công dân phụ thuộc vào:

- A. khả năng và hoàn cảnh, trách nhiệm của mỗi người.
- B. năng lực, điều kiện, nhu cầu của mỗi người.
- C. khả năng, điều kiện, hoàn cảnh mỗi người.
- D. điều kiện, khả năng, ý thức của mỗi người.

Câu 24: Việc xét xử các vụ án kinh tế của nước ta hiện nay không phụ thuộc người đó là ai, giữ chức vụ gì, là thể hiện công dân bình đẳng về:

- A. quyền trong kinh doanh.
- B. trách nhiệm pháp lí.
- C. nghĩa vụ trong kinh doanh.
- D. nghĩa vụ pháp lí.

Câu 25: Ví dụ nào sau đây trái với nguyên tắc công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí:

- A. Học sinh 13 tuổi bị phạt tiền vì đi vào đường ngược chiều.
- B. Học sinh 16 tuổi bị phạt tiền vì đi vào đường ngược chiều.
- C. Học sinh 17 tuổi bị phạt tiền vì đi vào đường ngược chiều.
- D. Học sinh 18 tuổi bị phạt tiền vì đi vào đường ngược chiều.

Câu 26: Bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bị xử lí theo quy định của pháp luật. Điều này thể hiện công dân bình đẳng về:

- A. trách nhiệm pháp lí.
- B. trách nhiệm kinh tế.
- C. trách nhiệm xã hội.
- D. trách nhiệm chính trị.

Câu 27: Nhận định nào sau đây là đúng nhất.

- A. Công dân dù ở bất cứ địa vị nào, làm bất cứ ngành nghề gì khi vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.
- B. Công dân dù ở bất cứ địa vị nào, làm bất cứ ngành nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.
- C. Công dân dù ở bất cứ địa vị nào, làm bất cứ ngành nghề gì khi vi phạm pháp luật đều bị pháp luật trừng trị.
- D. Công dân dù ở bất cứ địa vị nào, làm bất cứ ngành nghề gì khi vi phạm pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Câu 28: Học xong lớp 12, thấy hoàn cảnh gia đình khó khăn nên A đã xin đi làm công nhân nhà máy May gần nhà, em vừa có thời gian giúp đỡ gia đình, vừa bảo ban các em học hành, điều này thể hiện

- A. Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.
- B. Bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.
- C. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
- D. Bình đẳng trong kinh doanh.

Câu 29: Theo quy định của Bộ luật lao động, người lao động ít nhất phải đủ:

- A. 18 tuổi.
- B. 15 tuổi.
- C. 14 tuổi.
- D. 16 tuổi.

Câu 30: Quyền tự do kinh doanh của công dân có nghĩa là:

- A. Mọi công dân đều không có quyền thực hiện hoạt động kinh doanh.
- B. Công dân có thể kinh doanh bất kỳ ngành, nghề nào.

C. Công dân có quyền quyết định quy mô và hình thức kinh doanh theo quy định của pháp luật.

D. Mọi công dân đều có quyền quyết định quy mô bất cứ hình thức kinh doanh nào.

Câu 31: Điều nào dưới đây không thể hiện nội dung bình đẳng trong kinh doanh:

A. Tự do lựa chọn hình thức kinh doanh theo điều kiện và khả năng của mình.

B. Tự chủ trong kinh doanh.

C. Tự do lựa chọn việc làm.

D. Bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Câu 32: Trang 19 tuổi, cô mở một cửa hàng tạp hóa tại khu phố nơi mình ở. Theo em B đang thực hiện tốt quyền nào?

A. Quyền bình đẳng trong lao động.

B. Quyền bình đẳng trong kinh doanh.

C. Quyền bình đẳng của hôn nhân.

D. Quyền bình đẳng trong gia đình.

Câu 33: Nhà nước chủ trương “ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ” điều này thể hiện:

A. Bình đẳng trong kinh doanh.

B. Bình đẳng về việc làm.

C. Bình đẳng giữa vợ và chồng.

D. Bất bình đẳng.

Câu 34: Em đồng ý với ý kiến nào về quyền bình đẳng giữa cha mẹ và con?

A. Cha mẹ cần quan tâm, chăm sóc con để hơn con nuôi.

B. Cha mẹ cần tạo điều kiện tốt hơn cho con trai học tập, phát triển.

C. Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ.

D. Con có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ.

Câu 35: Chị Hà đang công tác tại công ty A, chị đang chuẩn bị sinh em bé đầu lòng, theo Luật lao động hiện hành chị sẽ được nghỉ chế độ thai sản trong:

A. 4 tháng.

B. 6 tháng.

C. 8 tháng.

D. 1 năm.

Câu 36: Anh Đại muốn bán xe ô tô, anh không bàn với vợ vì cho rằng xe anh mua, còn vợ thì ở nhà nội trợ không biết gì về xe và giá cả, theo em anh Đại đã vi phạm nội dung:

A. Bình đẳng trong quan hệ nhân thân.

- B. Bình đẳng trong kinh doanh.
- C. Bình đẳng trong lao động.
- D. Bình đẳng trong quan hệ tài sản.

Câu 37: Việc ban hành các văn bản qui phạm pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh thuộc về:

- A. Nhà nước.
- C. Cá nhân.
- B. Công ty.
- D. Luật sư.

Câu 38: Chị M là người dân tộc H' Mông và anh H là người dân tộc Kinh. Họ đã yêu nhau được 2 năm và quyết định kết hôn. Nhưng gia đình chị M không đồng ý và kiên quyết không cho hai người lấy nhau vì lí do anh H không phải là người dân tộc H' Mông. Hành vi cản trở của gia đình chị M đã vi phạm quyền gì của công dân?

- A. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- B. Quyền tự do giữa các dân tộc.
- C. Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo.
- D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 39: Sau giờ học trên lớp, Bình (người dân tộc Kinh) giảng bài cho H'Ré (người dân tộc Ê Đê). Hành vi của Bình thể hiện?

- A. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- B. Quyền tự do, dân chủ của Bình.
- C. Sự tương thân tương ái của Bình.
- D. Sự bất bình đẳng giữa các dân tộc.

Câu 40: Các dân tộc Việt Nam được tham gia quản lí nhà nước và xã hội là biểu hiện quyền bình đẳng về:

- A. chính trị.
- B. kinh tế.
- C. văn hóa.
- D. Xã hội.

ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	21	B
2	C	22	A
3	C	23	C

4	B	24	B
5	B	25	A
6	A	26	A
7	C	27	B
8	B	28	A
9	B	29	B
10	C	30	C
11	A	31	C
12	B	32	B
13	B	33	A
14	A	34	D
15	C	35	B
16	B	36	D
17	D	37	A
18	B	38	A
19	B	39	A
20	B	40	A

6. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 12 số 5

TRƯỜNG THPT BÀ TRIỆU
ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 12
Năm học 2021 - 2022
Môn: GDCD - Lớp 12

Câu 1: Pháp luật có vai trò như thế nào với công dân?

- A. Là phương tiện để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.
- B. Là phương tiện để công dân thực hiện nhu cầu của mình.
- C. Là phương tiện để công dân khiếu nại.
- D. Là phương tiện để bảo vệ mọi lợi ích của công dân.

Câu 2: Dấu hiệu để khẳng định vi phạm pháp luật là?

- A. Hành vi trái pháp luật do người có năng lực nhận thức thực hiện.
- B. Hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.
- C. Hành vi có lỗi.
- D. Hành vi trái pháp luật, có lỗi của chủ thể.

Câu 3: Văn bản hiệu lực pháp lý cao nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam:

- A. Hiến pháp.
- B. Bộ Luật Hình sự.
- C. Quyết định của Thủ tướng Chủ tịch nước.
- D. Nghị quyết của Quốc hội.

Câu 4: Quy phạm xã hội được áp dụng:

- A. Trong một đơn vị, tổ chức chính trị xã hội.
- B. Cho mọi tổ chức trên phạm vi cả nước
- C. Trong nhiều đơn vị thực hiện giống nhau.
- D. Cho mọi cá nhân trên phạm vi cả nước.

Câu 5: Trách nhiệm pháp lý được hiểu là:

- A. Công việc cá nhân, tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi.
- B. Nghĩa vụ cá nhân, tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.
- C. Nghĩa vụ cá nhân, tổ chức phải thực hiện.
- D. Nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức đối với nhà nước.

Câu 6: Người có hành vi không hợp pháp là người:

- A. Làm những việc pháp luật quy định phải làm.
- B. Làm những việc pháp luật cho phép làm.
- C. Tự do làm những việc theo khả năng của mình.
- D. Không làm những việc pháp luật cấm.

Câu 7: Lỗi theo quy định pháp luật có hai loại cơ bản:

- A. Cố ý và cầu thả.
- B. Cố ý trực tiếp và gián tiếp.
- C. Cố ý và vô ý.
- D. Vô ý cầu thả và vô ý do quá tự tin.

Câu 8: Nguyễn Văn Quốc, đang bị khởi tố hình sự về tội danh buôn bán người. Anh Quốc có được hưởng quyền ứng cử hay không? Tại sao?

- A. Có, vì công dân bình đẳng trước pháp luật.
- B. Có, sau khi không điều tra anh sẽ được ứng cử.
- C. Không, vì bị khởi tố có nghĩa là vi phạm pháp luật.
- D. Không, vì đang bị điều tra về hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 9: Pháp luật là:

- A. Hệ thống các quy tắc xử sự bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức.
- B. Quy tắc xử sự bắt buộc chung.
- C. Quy tắc xử sự bắt buộc đối với mọi công dân.
- D. Quy tắc xử sự bắt buộc của một cộng đồng.

Câu 10: Chủ thể của hình thức áp dụng pháp luật:

- A. Cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền thực hiện.
- B. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.
- C. Mọi cá nhân, cơ quan tổ chức thực hiện.
- D. Cơ quan, công chức nhà nước thực hiện.

Câu 11: Một trong các đặc trưng cơ bản của pháp luật thể hiện ở:

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. Tính quy định.
- C. Tính dân tộc.
- D. Tính hiện đại.

Câu 12: Mục đích nào không phải là tác dụng của trách nhiệm pháp lý:

- A. Buộc chủ thể vi phạm pháp luật chấm dứt hành vi vi phạm.
- B. Củng cố niềm tin của công dân ở tính nghiêm minh của pháp luật.
- C. Trừng trị những người phạm tội.
- D. Giáo dục, răn đe để những người khác tránh hoặc kiềm chế vi phạm pháp luật.

Câu 13: Người nào không phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi vi phạm của mình gây ra cho người khác và xã hội?

- A. Không có hiểu biết về pháp luật
- B. Không có năng lực trách nhiệm pháp lý
- C. Cao tuổi, bị mắc bệnh.
- D. Bị hạn chế về năng lực trách nhiệm pháp lý.

Câu 14: Nguyễn Văn Mạnh (13 tuổi) đánh người dẫn đến nạn nhân tử vong. Nguyễn Văn Mạnh có vi phạm pháp luật không?

- A. Có vi phạm vì gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

- B. Có vi phạm vì đủ tuổi phải chịu trách nhiệm pháp lý.
- C. Không vi phạm vì chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm pháp lý.
- D. Không vi phạm vì An đã bồi thường cho gia đình bị hại.

Câu 15: Hình thức phạt tù được áp dụng đối với:

- A. Người vi phạm dân sự, vi phạm hành chính.
- B. Người vi phạm hình sự.
- C. Người phạm tội khi đủ 18 tuổi.
- D. Bất kỳ người vi phạm pháp luật nào.

Câu 16: Vi phạm hình sự là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được coi là:

- A. Tù nhân.
- B. Tội phạm.
- C. Người phạm tội.
- D. Bị cáo.

Câu 17: Trên đường đi học, do đi nhanh H lái xe đạp điện va vào ô tô của bác T đã bị hỏng gương và sơn xe. Hành vi của H thuộc loại vi phạm pháp luật gì, hình thức xử phạt như thế nào?

- A. Vi phạm kỷ luật, cảnh cáo.
- B. Vi phạm hình sự, phạt tiền.
- C. Vi phạm hành chính, tạm giữ phương tiện của H.
- D. Vi phạm dân sự, bồi thường thiệt hại về tài sản.

Câu 18: Một hành vi bị coi là vi phạm pháp luật:

- A. Chỉ cần có một dấu hiệu.
- B. Phải có đủ cả 3 dấu hiệu.
- C. Chỉ cần có 4 dấu hiệu.
- D. Chỉ cần có 2 dấu hiệu.

Câu 19: Độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đặc biệt nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng do cố ý?

- A. Đủ 15 tuổi - 16 tuổi.
- B. Đủ 14 tuổi - 18 tuổi.
- C. Đủ 14 tuổi - 16 tuổi.
- D. Từ 16 tuổi trở lên.

Câu 20: Nhà nước có quy định học sinh thuộc gia đình hộ nghèo, cận nghèo sẽ được miễn, giảm các khoản học phí. Quy định này thể hiện công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, nghĩa là:

- A. Ai cũng được hưởng giống nhau.
- B. Hoàn cảnh nào thì được hưởng quyền và nghĩa vụ như nhau.
- C. Quyền luôn đi liền với nghĩa vụ.
- D. Trong cùng một điều kiện, hoàn cảnh như nhau, mọi công dân đều được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ như nhau trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Câu 21: Một nhóm học sinh đã tát, túm tóc G và họ quay video và gửi lên trang Facebook nhằm bêu riếu, lăng mạ G. Theo quy định Bộ Luật hình sự, hành vi này gọi là tội danh:

- A. Cố ý gây thương tích.
- B. Vu khống người khác.
- C. Xâm phạm đến quyền của phụ nữ.
- D. Làm nhục người khác.

Câu 22: Trộm cắp tiền có giá trị từ bao nhiêu trở lên bị khởi tố hình sự?

- A. 1.000.000 đồng.
- B. 3.000.000 đồng.
- C. 4.000.000 đồng.
- D. 2.000.000 đồng.

Câu 23: Theo quy định của pháp luật, khi tham gia kinh doanh, chủ thể không cần phải thực hiện công việc nào sau đây?

- A. Nộp thuế.
- B. Đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động
- C. Từ thiện.
- D. Bảo vệ môi trường.

Câu 24: Công dân bình đẳng trước pháp luật được hiểu là:

- A. Mọi công dân vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.
- B. Mọi công dân đều không bị đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật
- C. Mọi công dân đều được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật
- D. Mọi công dân có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý giống nhau.

Câu 25: Đây là phương pháp quản lý xã hội một cách dân chủ và hiệu quả nhất?

- A. Pháp luật.
- B. Giáo dục.
- C. Kế hoạch.
- D. Đạo đức.

Câu 26: Đặng Văn Long là học sinh lớp 10 (16 tuổi) sử dụng xe máy Honda Lead để đi học. Hành vi thuộc loại vi phạm hành chính do:

- A. Lỗi cố ý gián tiếp.
- B. Lỗi vô ý.
- C. Lỗi cấu thả.
- D. Lỗi cố ý trực tiếp.

Câu 27: Vi phạm pháp luật được chia thành bốn loại, căn cứ vào:

- A. Độ tuổi của người phạm tội.
- B. Đối tượng bị xâm hại, mức độ và tính chất nguy hiểm cho xã hội.
- C. Chủ thể (cá nhân, tổ chức) vi phạm.
- D. Thời gian vi phạm, độ tuổi vi phạm pháp luật.

Câu 28: Khi thuê nhà ông Tùng, ông Kiên đã tự ý sửa chữa nhà không hỏi ý kiến ông Tùng. Hành vi của ông Kiên là hành vi vi phạm pháp luật:

- A. Hình sự.
- B. Hành chính.
- C. Kỹ luật.
- D. Dân sự.

Câu 29: Hành vi vi phạm của vi phạm hành chính xâm phạm đến:

- A. Các nội quy của nhà trường.
- B. Các quy tắc quản lý nhà nước.
- C. Các quy tắc chung.
- D. Các quy định của công ty.

Câu 30: Ông K vay tiền của ngân hàng không trả, ngân hàng đã gửi đơn kiện đến tòa án nhân dân. Việc ngân hàng viết đơn kiện về hành vi của ông K là hình thức:

- A. Thi hành pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 31: Độ tuổi chịu trách nhiệm vi phạm hành chính về mọi hành vi gây ra là:

- A. Từ 18 tuổi trở lên.
- B. Từ 14 tuổi trở lên.
- C. Từ 16 tuổi trở lên.
- D. Từ 15 tuổi trở lên.

Câu 32: Một trong những đặc điểm để phân biệt quy phạm pháp luật với quy phạm đạo đức:

- A. Pháp luật có tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. Pháp luật có tính quyền lực.
- C. Pháp luật có tính bắt buộc chung, tính quy phạm.
- D. Pháp luật có tính quy phạm.

Câu 33: Khi phóng viên một tờ báo đến tác nghiệp tại Bệnh viện đa khoa huyện LT. Giám đốc bệnh viện này đã có những hành động ngăn cản và hành hung phóng viên. Lãnh đạo Sở y tế đã đình chỉ công tác 30 ngày để điều tra, làm rõ sự việc. Hành vi của Giám đốc thuộc vi phạm pháp luật nào?

- A. Vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Câu 34: Ông Tuấn là người có thu nhập cao, hàng năm ông Tuấn chủ động đến cơ quan thuế để nộp thuế thu nhập cá nhân. Trong trường hợp này ông Tuấn đã:

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Sử dụng pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 35: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới:

- A. Quan hệ lao động và quan hệ xã hội.
- B. Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân
- C. Quan hệ xã hội và quan hệ kinh tế.
- D. Quan hệ lao động và quan hệ tài sản.

Câu 36: Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo khi tham gia giao thông bằng phương tiện xe máy, số tiền 150.000 đồng. Trong trường hợp này, cảnh sát giao thông đã:

- A. Sử dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Áp dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 37: Thực hiện pháp luật bao gồm:

- A. Bốn hình thức.
- B. Hai hình thức.
- C. Tối thiểu ba hình thức .
- D. Ba hình thức chính và một hình thức phụ

Câu 38: Nguyễn Văn T đánh H gây tổn thương vùng đầu phải đi bệnh viện cấp cứu. Cơ quan giám định H bị tổn hại đến sức khỏe với tỷ lệ thương tật 30%. Theo quy định Bộ Luật hình sự, hành vi của T phạm tội danh nào dưới đây:

- A. Cố ý gây thương tích cho người khác.
- B. Đánh người gây thương tích.
- C. Gây tổn hại đến sức khỏe, danh sự của người khác.
- D. Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác.

Câu 39: Pháp luật nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của:

- A. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động
- B. Giai cấp trí thức.
- C. Giai cấp nông dân.
- D. Nhân dân lao động.

Câu 40: Ông Hùng viết giấy biên nhận cho ông Giang vay một khoản tiền và có hạn ngày trả. Đúng đến ngày hạn, ông Hùng đến đề nghị ông Giang trả số tiền vay nhưng ông Giang chưa trả với lý do chưa có và hạn ngày khác. Đây là vi phạm dân sự với hành vi xâm phạm đến:

- A. Quan hệ nhân thân.
- B. Quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa.
- C. Quan hệ vay nợ.
- D. Quan hệ hợp đồng.

ĐÁP ÁN

1. A 2. B 3. A 4. A 5. B 6. C 7. C 8. D 9. A 10. A
11. A 12. C 13. B 14. C 15. B 16. B 17. D 18. B 19. C 20. D
21. D 22. D 23. C 24. B 25. A 26. D 27. B 28. D 29. B 30. C
31. C 32. A 33. D 34. C 35. B 36. C 37. A 38. D 39. A 40. D

7. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 12 số 6

TRƯỜNG THPT LÊ LỢI
ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 12
Năm học 2021 - 2022
Môn: GDCD - Lớp 12

Câu 1: Pháp luật XHCN mang bản chất của ai?

- A. nhân dân lao động
- B. giai cấp tiến bộ
- C. giai cấp công nhân
- D. giai cấp cầm quyền

Câu 2: Tòa án xét xử các vụ án sản xuất hàng giả không phụ thuộc vào người sản xuất là ai, giữ chức vụ gì. Điều này thể hiện quyền bình đẳng nào của công dân?

- A. bình đẳng về trách nhiệm pháp lí
- B. bình đẳng về quyền lao động
- C. bình đẳng về quyền tự chủ trong kinh doanh
- D. bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh

Câu 3: Pháp luật quy định độ tuổi kết hôn của nam giới là:

- A. đủ 21 tuổi trở lên
- B. đủ 18 tuổi trở lên
- C. đủ 20 tuổi trở lên
- D. đủ 22 tuổi trở lên

Câu 4: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi:

- A. dân tộc, độ tuổi, giới tính
- B. thu nhập, tuổi tác, địa vị
- C. dân tộc, giới tính, tuổi tác, tôn giáo
- D. dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo

Câu 5: Quyền và nghĩa vụ của công dân được nhà nước quy định trong:

- A. hiến pháp B. luật và chính sách C. luật, hiến pháp D. hiến pháp và luật

Câu 6: Vi phạm hình sự là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội và bị coi là:

- A. tội xâm phạm B. tội phạm C. tội cố ý D. lừa đảo

Câu 7: Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ là bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm, bình đẳng về tiêu chuẩn, khi tuyển dụng.

- A. bằng tuổi
- B. lứa tuổi
- C. mức tuổi
- D. độ tuổi

Câu 8: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

- A. bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân
- B. bảo vệ mọi nhu cầu của công dân
- C. bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân
- D. bảo vệ mọi lợi ích của công dân

Câu 9: Người lao động tự ý bỏ việc nhiều ngày mà không có lí do chính đáng. Đây là hành vi vi phạm pháp luật gì?

- A. dân sự

B. hình sự

C. kỉ luật

D. hành chính

Câu 10: Pháp luật quy định con đủ bao nhiêu tuổi trở lên thì có quyền có tài sản riêng?

A. 14 tuổi

B. 16 tuổi

C. 18 tuổi

D. 15 tuổi

Câu 11: Cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là:

A. tòa án nhân dân B. chính phủ C. nhà nước D. quốc hội

Câu 12: Từ khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời đến nay, nước ta đã có mấy bản Hiến pháp?

A. 5 bản B. 4 bản C. 6 bản C. 3 bản

Câu 13: Khi yêu cầu vợ mình phải nghỉ việc để chăm sóc gia đình, anh Nam đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ:

A. tài sản chung

B. nhân thân

C. tình cảm

D. tài sản riêng

Câu 14: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm tới:

A. quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân

B. quan hệ lao động và công vụ nhà nước

C. quy tắc quản lí nhà nước

D. quy tắc quản lí xã hội

Câu 15: Bình đẳng giữa vợ và chồng được hiểu là:

A. người chồng chịu trách nhiệm về việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình

B. vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình

C. vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về tài sản riêng

D. người vợ chịu trách nhiệm về việc nuôi dạy con cái

Câu 16: Điều 52 –Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1992 quy định mọi công dân đều:

A. bình đẳng trước pháp luật

B. bình đẳng về quyền lợi

C. bình đẳng trước nhà nước

D. bình đẳng về nghĩa vụ

Câu 17: Vợ, chồng có quyền có tài sản riêng được thể hiện trong quan hệ nào?

A. nhân thân

B. tài sản riêng

C. tài sản chung

D. tài sản

Câu 18: Người chưa thành niên theo quy định của pháp luật Việt Nam là người chưa đủ:

A. 18 tuổi

B. 14 tuổi

C. 15 tuổi

D. 16 tuổi

Câu 19: Để giao kết hợp đồng lao động, chị Yến cần căn cứ vào nguyên tắc nào dưới đây?

A. tự giác, trách nhiệm, tận tâm

B. tự do, tự nguyện, bình đẳng

C. dân chủ, công bằng, tiến bộ

D. tích cực, chủ động, tự quyết

Câu 20: Người có hành vi tham nhũng phải chịu trách nhiệm pháp lí cao nhất là:

A. hành chính

B. hình sự

C. dân sự

D. kỉ luật

Câu 21: Người lao động trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ mỗi ngày trong thời gian làm việc mà vẫn hưởng đủ lương.

A. 45 phút B. 90 phút C. 30 phút D. 60 phút

Câu 22: Pháp luật quy định người đủ bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi vi phạm pháp luật của mình?

A. đủ 14 tuổi trở lên

B. đủ 16 tuổi trở lên

C. đủ 17 tuổi trở lên

D. đủ 18 tuổi trở lên

Câu 23: Một trong những nội dung về bình đẳng trong thực hiện quyền lao động là mọi công dân đều có quyền lựa chọn:

A. thời gian làm việc theo ý muốn chủ quan của mình

B. điều kiện làm việc theo nhu cầu của mình

C. việc làm theo sở thích của mình

D. việc làm phù hợp với khả năng của mình mà không bị phân biệt đối xử

Câu 24: Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, tạo ra những giá trị vật chất và cho xã hội.

A. tinh thần

B. nghệ thuật

C. của cải

D. văn hóa

Câu 25: Phóng nhanh, vượt ẩu khi đi xe máy là vi phạm:

A. dân sự

B. hình sự

C. kỉ luật

D. hành chính

Câu 26: Một trong những biểu hiện của quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nhân thân là:

A. vợ, chồng trẻ cần có sự đồng ý của cha mẹ khi lựa chọn nơi ở

B. cả hai vợ chồng cùng có quyền quyết định nơi ở.

C. phụ nữ phải lo việc gia đình nên có quyền quyết định nơi ở

D. người chồng là trụ cột gia đình nên có quyền quyết định nơi ở

Câu 27: Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm 150.000 đồng. Trong trường hợp này cảnh sát giao thông đã:

A. tuân thủ pháp luật

B. sử dụng pháp luật

C. áp dụng pháp luật

D. thi hành pháp luật

Câu 28: Cố ý đánh người gây thương tích nặng là hành vi vi phạm:

A. hành chính

B. hình sự

C. dân sự

D. kỉ luật

Câu 29: Giữa lao động nam và lao động nữ đều phải đóng Bảo hiểm xã hội. Điều này thể hiện ở:

A. bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động

- B. bình đẳng trong kinh doanh
- C. bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ
- D. bình đẳng trong lao động

Câu 30: Pháp luật là phương tiện để nhà nước làm gì?

- A. quản lí công dân
- B. bảo vệ các công nhân
- C. bảo vệ các giai cấp
- D. quản lí xã hội

Câu 31: Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1992 quy định bảo vệ Tổ quốc là:

- A. nghĩa vụ của công dân
- B. quyền, nghĩa vụ của công dân
- C. quyền của công dân
- D. trách nhiệm của công dân

Câu 32: Pháp luật bắt buộc đối với ai?

- A. mọi công dân
- B. mọi cơ quan, tổ chức
- C. mọi cá nhân, tổ chức
- D. mọi tổ chức xã hội

Câu 33: Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là mọi công dân:

- A. đều có quyền và nghĩa vụ giống nhau
- B. đều bình đẳng về quyền và làm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật
- C. đều có nghĩa vụ như nhau
- D. đều có quyền như nhau

Câu 34: Pháp luật được hình thành trên cơ sở các quan hệ nào?

- A. đạo đức
- B. xã hội
- C. kinh tế
- D. chính trị

Câu 35: Hành vi “cướp giật tài sản của người khác” gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Đây là hành vi vi phạm pháp luật gì?

- A. dân sự
- B. hình sự
- C. hành chính

D. kỉ luật

Câu 36: Quyền của công dân không tách rời của công dân

A. trách nhiệm

B. đóng góp

C. nghĩa vụ

D. vũ lực

Câu 37: Pháp luật quy định đối với lao động nữ hiện nay được nghỉ chế độ thai sản là:

A. 4 tháng

B. 5 tháng

C. 12 tháng

D. 6 tháng

Câu 38: Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ vi phạm như nhau, trong một hoàn cảnh như nhau thì đều phải chịu trách nhiệm pháp lí:

A. có thể khác nhau

B. ngang nhau

C. bằng nhau

D. như nhau

Câu 39: Ông Hùng là người có thu nhập cao, hàng năm ông Hùng phải chủ động đến cơ quan thuế để nộp thuế thu nhập cá nhân. Trong trường hợp này ông Hùng đã:

A. tuân thủ pháp luật

B. áp dụng pháp luật

C. sử dụng pháp luật

D. thi hành pháp luật

Câu 40: Nam giới từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi phải thực hiện nghĩa vụ quân sự, thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

A. thi hành pháp luật

B. áp dụng pháp luật

C. sử dụng pháp luật

D. tuân thủ pháp luật

ĐÁP ÁN

1C 2A 3C 4D 5D

6B 7D 8C 9C 10D

11D 12A 13B 14A 15B

16A 17D 18A 19B 20B

21D 22B 23D 24A 25D

26B 27C 28B 29C 30D

31B 32C 33B 34A 35B

36C 37D 38D 39D 40A

8. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 12 số 7

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 12

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 12

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (24 câu)

I. Câu cơ bản.

Câu 1. Pháp luật là

- A. hệ thống các quy tắc xử chung do nhà nước ban hành.
- B. những luật và điều luật cụ thể trong thực tế đời sống.
- C. hệ thống các văn bản và nghị định do các cấp ban hành và thực hiện.
- D. những quy định do xã hội đặt ra.

Câu 2. Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở việc

- A. pháp luật bắt nguồn từ xã hội, vì sự phát triển của xã hội.
- B. pháp luật phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp trong xã hội.
- C. pháp luật bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.
- D. pháp luật bắt nguồn từ các thành viên trong xã hội.

Câu 3. Để phòng chống dịch Covid 19 lây lan, nhà nước ra quy định đeo khẩu trang nơi công cộng. Điều này thể hiện bản chất gì của pháp luật?

- A. Xã hội.
- B. Bắt buộc.
- C. Quyền lực.
- D. Áp đặt.

Câu 4. Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

- A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- B. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân.
- C. Bảo vệ mọi lợi ích của công dân.
- D. Bảo vệ mọi nhu cầu của công dân.

Câu 5. Nhà nước dùng pháp luật để

- A. quản lí xã hội.
- B. bảo vệ quyền và lợi ích của công dân.
- C. xử lí tội phạm.
- D. giữ trật tự, ổn định xã hội

Câu 6. Chị A khởi kiện gia đình hàng xóm vì lấn đất nhà chị. Trong trường hợp này pháp luật có vai trò gì?

- A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- B. quản lí xã hội.
- C. ổn định trật tự xã hội.
- D. giải quyết kiện tụng.

Câu 7. Pháp luật do Nhà nước ban hành đảm bảo thực hiện bằng quyền lực Nhà nước, thể hiện đặc trưng

- A. tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. tính phổ biến.
- C. chặt chẽ về hình thức.
- D. quy phạm phổ biến

Câu 8. Vì không chấp hành biện pháp phòng chống dịch Covid nên anh A bị phạt. điều đó thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. Tính phổ biến.
- C. Chặt chẽ về hình thức.
- D. Quy phạm phổ biến

Câu 9. Văn bản của trường học không trái với văn bản của Sở giáo dục là thể hiện đặc trưng nào?

- A. Chặt chẽ về hình thức.
- B. Tính quy phổ biến.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- D. Quy phạm phổ biến

Câu 10. Các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền (những việc được làm) là

- A. sử dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 11. Các tổ chức, cá nhân chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) là

- A. thi hành pháp luật.
- B. sử dụng pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 12. Cảnh sát giao thông phạt người không đội nón bảo hiểm. Cảnh sát giao thông đã

- A. áp dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 13. Ông M chủ một nhà hàng, mỗi tháng đều đóng thuế đầy đủ là

- A. thi hành pháp luật.
- B. sử dụng pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 14. Vi phạm pháp luật là hành vi do ai thực hiện?

- A. Do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện.
- B. Do người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện.
- C. Do bất kì người nào thực hiện.
- D. Do người từ đủ 16 tuổi trở lên thực hiện.

Câu 15. Trách nhiệm pháp lí là

- A. hậu quả mà người vi phạm pháp luật phải gánh chịu.
- B. nghĩa vụ với nhà nước và xã hội.
- C. trách nhiệm phải thực hiện.
- D. khả năng chịu trách nhiệm.

Câu 16. Hình thức xử phạt chính đối với người vi phạm hành chính là

- A. phạt tiền, cảnh cáo.
- B. buộc khắc phục hậu quả do mình gây ra.
- C. tịch thu tang vật, phương tiện.
- D. tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ.

Câu 17. Pháp luật qui định người từ bao nhiêu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm?

- A. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- B. Từ đủ 15 tuổi trở lên.

C. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

D. Từ đủ 14 tuổi trở lên.

Câu 18. Khi thuê nhà của ông T, ông A đã tự sửa chữa, cải tạo mà không hỏi ý kiến của ông T. Hành vi này của ông A là hành vi vi phạm

A. dân sự.

B. hình sự.

C. hành chính.

D. kỉ luật.

Câu 19. Lái xe vượt đèn đỏ là vi phạm

A. hành chính.

B. hình sự.

C. dân sự.

D. kỉ luật.

II. Câu nâng cao.

Câu 20. Hai công ty A và B cùng sản xuất mặt hàng sắt, thép. Công ty A trước khi xả thải ra môi trường đều đã qua hệ thống xử lý đạt chuẩn cho phép. Ngược lại công ty B vì lợi nhuận nên đã xả trực tiếp chất thải nguy hại ra môi trường. Các cơ quan chức năng phát hiện và xử phạt hành chính công ty B. Việc cơ quan chức năng xử phạt công ty B thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

A. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

B. Tính phổ biến.

C. Chặt chẽ về hình thức.

D. Quy phạm phổ biến

Câu 21. Ông A rủ ông B cùng đột nhập vào tiệm vàng X để ăn trộm và đã lấy hết vàng hiện có trong tiệm X. Vài ngày sau, ông A kể lại toàn bộ sự việc với người bạn thân là ông T và nhờ ông cất giữ hộ số vàng đó nhưng ông T không đồng ý. Con ông T vô tình nghe thấy buổi nói chuyện của bố và ông A nên đã đi tố cáo ông A. Trong tình huống trên, ai đã tuân thủ pháp luật?

A. Ông T. B. Ông T và con ông T

C. Con ông T. D. Ông A, ông B.

Câu 22. Anh T đột nhập vào nhà bà M lấy trộm chiếc bình cổ rồi bán với giá năm trăm triệu đồng. Ba tháng sau, anh T mời anh K và anh H làm cùng cơ quan đi ăn nhậu. Trong lúc say, anh T kể cho anh K và anh H vụ việc. Sau đó, anh H tố cáo vụ việc với cơ quan công an. Trong tình huống trên, anh H đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào?

A. Sử dụng pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

D. Áp dụng pháp luật.

Câu 23. Phát hiện anh C đã tung tin đồn thất thiệt về chị T trên mạng xã hội nên chị B kể lại việc này với chị T. Sau khi yêu cầu anh C gỡ bỏ thông tin sai lệch về mình không được, chị T rất bức mình. Thương bạn, chị B đã tung tin cả nhà anh C nhiễm HIV khiến anh C và gia đình bị kì thị, xa lánh. Trong trường hợp này những ai vi phạm pháp luật?

A. Chị B và anh C.

B. Anh C và chị T.

C. Chị B, anh C và chị T.

D. Chị B.

Câu 24. Trên đường chờ bạn gái bằng xe đạp điện đi chơi, do phóng nhanh vượt ẩu anh K đã va chạm vào xe của anh B đang đi ngược đường, nên hai bên đã to tiếng với nhau. Thấy những người đi đường dùng điện thoại để quay video, anh K và bạn gái đã vội vàng bỏ đi. Hỏi những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm hành chính?

A. Anh K và anh B.

B. Anh K và bạn gái.

C. Anh K.

D. Anh B.

B. PHẦN TỰ LUẬN: (4 điểm)

Câu 1. Các cơ quan chức năng xử phạt bà A vì buôn bán lấn chiếm lòng lề đường. Việc xử phạt đó thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

Câu 2. Học sinh trường Lương Văn Can không xả rác bừa bãi để bảo vệ môi trường. Học sinh Lương Văn Can đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào?

Câu 3. Lực lượng quản lí đô thị tiến hành kiểm tra và xử phạt những hàng quán buôn bán lấn chiếm lòng lề đường. Trong trường hợp này pháp luật thể hiện vai trò gì đối với nhà nước?

Câu 4. Vi phạm dân sự là hành vi xâm phạm đến hai mối quan hệ nào?

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

1. Phần trắc nghiệm. Đáp án A.

2. Phần tự luận:

Câu 1: Tính quyền lực, bắt buộc chung

Câu 2: Tuân thủ pháp luật

Câu 3: Quản lí xã hội

Câu 4: Tài sản và nhân thân

9. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 12 số 8

TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG**ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 12****Năm học 2021 - 2022****Môn: GDCD - Lớp 12**

Câu 1: Một trong những nội dung về bình đẳng trong thực hiện quyền lao động là mọi người đều có quyền lựa chọn:

- A. Việc làm theo sở thích của mình
- B. Điều kiện làm việc theo nhu cầu của mình
- C. Việc làm phù hợp với khả năng của mình mà không bị phân biệt đối xử**
- D. Thời gian làm việc theo ý muốn chủ quan của mình

Câu 2: Bình đẳng giữa vợ và chồng được hiểu là:

- A. Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về tài sản riêng
- B. Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình**
- C. Người chồng chịu trách nhiệm về việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình
- D. Người vợ chịu trách nhiệm về việc nuôi dạy con cái

Câu 3: Tòa án xét xử các vụ án về sản xuất hàng giả không phụ thuộc vào người bị xét xử là ai, giữ chức vụ gì. Điều này thể hiện quyền bình đẳng nào của công dân?

- A. Bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh
- B. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý**
- C. Bình đẳng về quyền tự chủ trong kinh doanh
- D. Bình đẳng về quyền lao động

Câu 4: Ý kiến nào dưới đây là đúng về quyền bình đẳng giữa cha mẹ và con?

- A. Cha mẹ có quyền quyết định mọi thứ cho con khi con chưa đủ 18 tuổi
- B. Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con**
- C. Cha mẹ và con có quyền và nghĩa vụ ngang nhau
- D. Cha mẹ cần tạo điều kiện tốt hơn cho con trai học tập, phát triển

Câu 5: Hình thức sử dụng PL do:

- A. Cá nhân có thẩm quyền thực hiện
- B. Tòa án nhân dân thực hiện
- C. Cơ quan Nhà nước thực hiện
- D. Cá nhân, tổ chức thực hiện**

Câu 6: Việc xử lí người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm:

- A. Trừng trị B. Thuyết phục C. Cưỡng chế **D. Giáo dục**

Câu 7: Lao động là một trong những:

- Quyền của công dân B. Nghĩa vụ của công dân
- C. Quyền và nghĩa vụ của công dân** D. Trách nhiệm của công dân

Câu 8: Trong hợp đồng lao động, nếu người lao động không thực hiện đúng nội dung đã giao kết thì đó là vi phạm pháp luật gì?

- A. Vi phạm hình sự B. Vi phạm dân sự
C. Vi phạm hành chính D. Vi phạm kỉ luật

Câu 9: Khẳng định nào dưới đây thể hiện quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- Mọi cá nhân, tổ chức kinh doanh đều được quyền vay vốn của Nhà nước
B. Mọi cá nhân, tổ chức kinh doanh đều được ưu tiên lựa chọn nơi kinh doanh
C. Mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế đều bình đẳng theo quy định của pháp luật
D. Mọi cá nhân, tổ chức kinh doanh đều được ưu tiên miễn giảm thuế

Câu 10: Đây là hành vi vi phạm pháp luật không do tham nhũng?

- Cán bộ địa chính nhận tiền và giải quyết cho người dân xây thêm tầng nhà sai quy định
B. Cán bộ thuế nhà nước nhận tiền và ghi giảm thuế cho công ty
C. Đưa tiền hối lộ để được lên chức
D. Kê khai thu nhập thấp hơn thực tế để giảm tiền thuế phải nộp

Câu 11: Vì sao nói pháp luật có tính quyền lực, bắt buộc chung?

- A. Vì pháp luật thể hiện ý chí, quyền lực của Nhà nước
B. Vì pháp luật có tính cưỡng chế do Nhà nước thực hiện
C. Vì pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền mà Nhà nước là đại diện
D. Vì pháp luật do Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực Nhà nước

Câu 12: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới:

- A. Quan hệ xã hội và quan hệ kinh tế
B. Quan hệ lao động và quan hệ xã hội
C. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản
D. Quan hệ tài sản và quan hệ thừa kế

Câu 13: Mục đích của hành vi tham nhũng là:

- A. Vụ lợi về vật chất hoặc tinh thần
B. Chỉ vụ lợi về vật chất
C. Không vụ lợi
D. Chỉ vụ lợi về tinh thần

Câu 14: Anh A là người có thu nhập cao, hàng năm anh đều đến cơ quan thuế để nộp thuế thu nhập cá nhân. Trong trường hợp này, anh A đã:

- A. Áp dụng pháp luật B. Thi hành pháp luật
C. Sử dụng pháp luật D. Tuân thủ pháp luật

Câu 15: Pháp luật mang bản chất giai cấp vì:

- Pháp luật thể hiện ý chí và bảo vệ quyền lợi cho giai cấp công nhân và đa số nhân dân lao động
B. Pháp luật bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội
C. Pháp luật là những qui tắc chung, được áp dụng ở nhiều nơi, cho tất cả mọi người trong xã hội
D. Pháp luật do Nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền mà Nhà nước là đại diện.

Câu 16: Bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình được hiểu là:

- A. Cha mẹ không được can thiệp vào cuộc sống riêng của con khi con đủ 18 tuổi
- B. Lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của cả gia đình, dòng họ, trên nói dưới phải nghe
- C. Vai trò của người chồng, người cha, người con trai trưởng được đề cao, quyết định toàn bộ công việc trong gia đình
- D. Các thành viên trong gia đình đối xử công bằng, dân chủ, tôn trọng lẫn nhau**

Câu 17: Pháp luật của nước Việt Nam thể hiện ý chí, nhu cầu, lợi ích của

- A. Giai cấp công nhân và đại đa số nhân dân lao động**
- B. Tất cả mọi người dân Việt Nam
- C. Mọi tầng lớp nhân dân
- D. Giai cấp công nhân

Câu 18: Đối tượng nào sẽ chịu mọi trách nhiệm hình sự khi vi phạm:

- Từ đủ 14 tuổi trở lên B. Từ đủ 18 tuổi trở lên
- C. Từ đủ 16 tuổi trở lên** D. Từ đủ 12 tuổi trở lên

Câu 19: Để tìm việc làm phù hợp, anh C có thể căn cứ vào quyền bình đẳng

- A. Trong giao kết hợp đồng lao động
- B. Trong tuyển dụng lao động
- C. Thay đổi nội dung hợp đồng
- D. Tự do lựa chọn việc làm**

Câu 20: Học sinh đủ 16 tuổi được phép lái loại xe có dung tích xi-lanh bằng bao nhiêu?

- A. Từ 50cm khối đến 70cm khối
- B. Dưới 50cm khối**
- C. Dưới 90cm khối
- D. Trên 90cm khối

Câu 21: Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là mọi công dân:

- A. Đều có quyền như nhau
- B. Đều có quyền và nghĩa vụ giống nhau
- C. Đều có nghĩa vụ như nhau
- D. Đều bình đẳng về quyền và làm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật**

Câu 22: Khi thuê nhà của ông T, ông A đã tự sửa chữa, cải tạo mà không hỏi ý kiến của ông T. Hành vi này của ông A là hành vi vi phạm:

- A. Hành chính B. Kỉ luật **C. Dân sự** D. Hình sự

Câu 23: Người có hành vi tham nhũng không phải chịu trách nhiệm gì?

- A. Trách nhiệm hình sự **B. Trách nhiệm dân sự**
- C. Trách nhiệm kỉ luật D. Trách nhiệm hành chính

Câu 24: Khi tham gia giao thông, bất kì ai cũng phải chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu....., thuộc đặc trưng nào của pháp luật?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung
- B. Sử dụng pháp luật
- C. Tính quy phạm phổ biến**
- D. Thi hành pháp luật

Câu 25: Thẩm quyền ban hành hiến pháp và luật là của:

- A. Quốc hội**
- B. Chính phủ
- C. Cơ quan, công chức nhà nước, cá nhân có thẩm quyền
- D. Nhà nước

Câu 26: Các cá nhân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm. Đó là hình thức:

- A. Áp dụng pháp luật
- B. Sử dụng pháp luật
- C. Tuân thủ pháp luật
- D. Thi hành pháp luật**

Câu 27: Bình đẳng trong quan hệ vợ chồng được thể hiện qua quan hệ nào?

- A. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản**
- B. Quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống
- C. Quan hệ gia đình và quan hệ xã hội
- D. Quan hệ vợ chồng với họ hàng, dòng họ

Câu 28: Trách nhiệm hình sự do ai áp dụng?

- A. Cơ quan, công chức, cá nhân có thẩm quyền
- B. Tòa án**
- C. Công chức, cá nhân có thẩm quyền
- D. Cơ quan, công chức nhà nước

Câu 29: Khi yêu cầu vợ nghỉ việc để chăm sóc gia đình, anh T đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ:

- A. Nhân thân**
- B. Tài sản
- C. Tình cảm
- D. Phụ thê

Câu 30: Để giao kết hợp đồng lao động, cần tuân theo nguyên tắc nào?

- A. Tự do, tự nguyện, bình đẳng**
- B. Dân chủ, công bằng, tiến bộ
- C. Tích cực, chủ động, tự quyết
- D. Tự giác, trách nhiệm, tận tâm

Câu 31: Đàn gà nhà ông A thường xuyên qua nhà ông B kiếm ăn nên ông B tức giận bắt cả đàn gà ăn thịt. Hỏi ông B đã vi phạm pháp luật gì?

- A. Vi phạm kỉ luật
- B. Vi phạm dân sự**
- C. Vi phạm hình sự
- D. Vi phạm hành chính

Câu 32: Chỉ ra quan niệm không đúng về quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong lao động?

- A. Mọi công dân không phân biệt giới tính, độ tuổi đều được Nhà nước bố trí việc làm**
- B. Nam và nữ bình đẳng về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động
- C. Chỉ bố trí lao động nam làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại

D. Lao động có trình độ chuyên môn, kĩ thuật cao sẽ được ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tài năng

Câu 33: Thực hiện PL bao gồm:

- A. Tối thiểu là ba hình thức
- B. Ba hình thức chính và một hình thức phụ
- C. Bốn hình thức**
- D. Nhiều hình thức

Câu 34: Mọi công dân có quyền tự do kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm khi đủ điều kiện kinh doanh. Đây là đặc trưng nào của pháp luật:

- A. Sử dụng pháp luật
- B. Tính quy phạm phổ biến**
- C. Thi hành pháp luật
- D. Tính quyền lực, bắt buộc chung

Câu 35: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

- A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân**
- B. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân
- C. Bảo vệ mọi nhu cầu của công dân
- D. Bảo vệ mọi lợi ích của công dân

Câu 36: Người có hành vi tham nhũng là người như thế nào?

- A. Không vi phạm pháp luật
- B. Sai phạm nặng hơn vi phạm pháp luật
- C. Vi phạm pháp luật**
- D. Vi phạm kỉ luật

Câu 37: Không có pháp luật, xã hội sẽ không có:

- A. Dân chủ và hạnh phúc
- B. Hòa bình và dân chủ
- C. Trật tự và ổn định**
- D. Sức mạnh và quyền lực

Câu 38: Cô T lừa chị H bằng việc mượn của chị H 5 triệu đồng hứa 3 tháng sẽ trả. Nhưng đến ngày hẹn mà cô T không chịu trả cho chị H số tiền trên. Chị H đã làm đơn kiện cô T ra tòa, việc chị H kiện cô T là hành vi:

- A. Sử dụng pháp luật**
- B. Tuân thủ pháp luật
- C. Áp dụng pháp luật
- D. Thi hành pháp luật

Câu 39: Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là:

- A. Công dân nào do thiếu hiểu biết về PL mà vi phạm PL thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý
- B. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật**
- C. Công dân nào vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị, đều phải chịu trách nhiệm kỉ luật
- D. Công dân ở bất kỳ độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau

Câu 40: Vi phạm hành chính là hành vi xâm phạm các:

- A. Quy tắc quản lí của nhà nước**
- B. Quy tắc kỉ luật lao động
- C. Quy tắc quản lí xã hội
- D. Nguyên tắc quản lí hành chính

ĐÁP ÁN

1C 2B 3B 4B 5D 6D 7C 8D 9C 10D 11D 12C 13A 14B 15D 16D 17A 18C 19D 20B 21D 22C
23B 24C 25A 26D 27A 28B 29A 30A 31B 32A 33C 34B 35A 36C 37C 38A 39B 40A

10. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 12 số 9**TRƯỜNG THPT THĂNG LONG****ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 12****Năm học 2021 - 2022****Môn: GDCD - Lớp 12****Câu 1** Đặc trưng của pháp luật là:

- A. Có tính quy phạm phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. **D. Ý A, B, C**

Câu 2 Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến người đó chết thì:

- A. Vi phạm qui tắc đạo đức. B. Vi phạm luật hình sự.**
C. Vi phạm luật hành chính. D. Vi phạm luật dân sự

Câu 3 Vi phạm pháp luật có các dấu hiệu sau:

- A. Hành vi trái pháp luật
B. Do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện
C. Người vi phạm phải có lỗi
D. Ý A, B, C

Câu 4 Nam công dân từ 18 đến 25 tuổi phải thực hiện nghĩa vụ quân sự, thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Thi hành pháp luật B. Sử dụng pháp luật;**
C. Tuân thủ pháp luật D. Áp dụng pháp luật

Câu 5 Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí là:

- A. Công dân ở bất kì độ tuổi nào đều bị xử lí như nhau
B. Công dân nào vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị đều phải chịu trách nhiệm kỉ luật
C. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lí theo quy định của pháp luật
D. Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không bị xử lí

Câu 6 Người điều khiển xe mô tô vượt đèn đỏ thuộc loại vi phạm pháp luật nào?

- A. Vi phạm luật hành chính B. Vi phạm luật dân sự;**
C. Vi phạm kỉ luật D. Vi phạm luật hình sự

Câu 7 Gia đình A lấn đất gia đình B, hành vi trên thuộc loại vi phạm pháp luật nào?

- A. Vi phạm hành chính **B. Vi phạm dân sự**
C. Vi phạm hình sự D. Vi phạm kỉ luật

Câu 8 Người nào sau đây là người không có năng lực trách nhiệm pháp lí?

- A. Say rượu B. Bị ép buộc **C. Bị bệnh tâm thần** D. Bị dụ dỗ

Câu 9 Pháp luật xã hội chủ nghĩa mang bản chất của

- A. Nhân dân lao động B. Giai cấp cầm quyền
C. Giai cấp tiến bộ **D. Giai cấp công nhân**

Câu 10 Pháp luật được hình thành trên cơ sở các quan hệ

- A. Xã hội **B. Chính trị** C. Kinh tế D. Đạo đức

Câu 11 Trong mối quan hệ với kinh tế, pháp luật có tính

- A. Độc lập tuyệt đối **B. Độc lập tương đối**
C. Ràng buộc chặt chẽ D. Độc lập hoàn toàn

Câu 12 Cá nhân, tổ chức sử dụng pháp luật tức là làm những gì mà pháp luật

- A. Cho phép làm** B. Không cho phép làm;
C. Không quy định làm D. Quy định

Câu 13 Cá nhân tổ chức tuân thủ pháp luật tức là không làm những điều mà pháp luật

- A. Cho phép làm **B. Cấm** C. Không cấm D. Không đồng ý

Câu 14 Ông Tuấn là người có thu nhập cao, hàng năm đến cơ quan nộp thuế thu nhập cá nhân trong trường hợp này ông Tuấn đã

- A. Sử dụng pháp luật B. Tuân thủ pháp luật;
C. Thi hành pháp luật D. Áp dụng pháp luật

Câu 15 Anh thắng đi bỏ phiếu bầu đại biểu quốc hội, trong trường hợp này anh thắng

- A. Sử dụng pháp luật** B. Tuân thủ pháp luật
C. Thi hành pháp luật D. Áp dụng pháp luật

Câu 16 Vi phạm hình sự là vi phạm những hành vi

- A. Nguy hiểm cho xã hội** B. Cực kì nguy hiểm
C. Đặt biệt nguy hiểm D. Rất nguy hiểm

Câu 17 Vi phạm dân sự là những hành vi xâm phạm tới các quan hệ

- A. Kinh tế và quan hệ tình cảm **B. Tài sản và quan hệ nhân thân;**
C. Sở hữu và quan hệ gia đình D. Tài sản và quan hệ gia đình

Câu 18 Các hành vi xâm phạm các quan hệ lao động, công vụ nhà nước, do pháp luật lao động, pháp luật hành chính bảo vệ được gọi là vi phạm

A. Hành chính B. Pháp luật hành chính C. Kỉ luật **D. Pháp luật lao động**

Câu 19 Đối tượng phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm là những người

A. Từ đủ 14 tuổi trở lên **B. Từ đủ 16 tuổi trở lên**
C. Từ đủ 18 tuổi trở lên D. Từ đủ 15 tuổi trở lên

Câu 20 Anh Hà điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường mà không đội mũ bảo hiểm rong trường hợp này, anh Hà đã vi phạm

A. kỉ luật B. dân sự **C. Hành chính.** D. Hình sự

Câu 21 Quyền nghĩa vụ công dân được nhà nước quy định trong

A. Hiến pháp **B. Hiến pháp và pháp luật**
C. Luật hiến pháp D. Luật và chính sách

Câu 22 Mọi công dân vi phạm pháp luật thì đều chịu trách nhiệm pháp lí

A. Như nhau B. Bằng nhau C. Ngang nhau D. Có thể khác nhau

Câu 23 Tham gia quản lí nhà nước và xã hội là một trong những

A. Quyền của công dân **B. Trách nhiệm của công dân**
C. Nghĩa vụ của công dân D. Quyền, nghĩa vụ của công dân

Câu 24 Quyền nghĩa vụ công dân không phân biệt bởi

A. Dân tộc, giới tính, tôn giáo B. Thu nhập, tuổi tác, địa vị
C. Dân tộc, giới tính, địa vị, tôn giáo D. Dân tộc, độ tuổi, giới tính

Câu 25 Bình đẳng trước pháp luật là một trong những ... của công dân

A. Quyền chính đáng B. Quyền thiêng liêng
C. Quyền cơ bản D. Quyền hợp pháp

Câu 26 Một trong các đặc trưng cơ bản của pháp luật thể hiện ở

A. Tính quyền lực, bắt buộc chung. B. Tính hiện đại.
C. Tính cơ bản. D. Tính truyền thống.

Câu 27 Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

A. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân.
B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
C. Bảo vệ mọi lợi ích của công dân.
D. Bảo vệ mọi nhu cầu của công dân.

Câu 28 Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới

A. Quan hệ xã hội và quan hệ kinh tế.
B. Quan hệ lao động và quan hệ xã hội.

C. Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

D. Quan hệ kinh tế và quan hệ lao động.

Câu 29 Có ý đánh người gây thương tích nặng là hành vi vi phạm

A. Dân sự. **B. Hình sự.** C. Hành chính D. Kỉ luật.

Câu 30 Học sinh đủ 16 tuổi được phép lái loại xe có dung tích xi - lanh bằng bao nhiêu?

A. Từ 50 cm³ đến 70 cm³. **B. Dưới 50 cm³**

C. 90 cm³ D. Trên 90 cm³

Câu 31 Khi thuê nhà của ông T, ông A đã tự sửa chữa, cải tạo mà không hỏi ý kiến của ông T. Hành vi này của ông A là hành vi vi phạm

A. Dân sự. B. Hình sự. C. Hành chính. D. Kỉ luật.

Câu 32 Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là mọi công dân

A. Đều có quyền như nhau.

B. Đều có nghĩa vụ như nhau.

C. Đều có quyền và nghĩa vụ giống nhau.

D. Đều bình đẳng về quyền và làm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Câu 33 Bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bị xử lí theo quy định của pháp luật. Điều này thể hiện công dân bình đẳng về.

A. Trách nhiệm pháp lí. B. Trách nhiệm kinh tế.

C. Trách nhiệm xã hội. D. Trách nhiệm chính trị.

Câu 34 Tòa án xét xử các vụ án sản xuất hàng giả không phụ thuộc vào người bị xét xử là ai, giữ chức vụ gì. Điều này thể hiện quyền bình đẳng nào của công dân?

A. Bình đẳng về quyền tự chủ trong kinh doanh

B. Bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh.

C. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý

D. Bình đẳng về quyền lao động.

Câu 35 Một trong những nội dung về bình đẳng trong thực hiện quyền lao động là mọi người đều có quyền lựa chọn.

A. Việc làm theo sở thích của mình.

B. Việc làm phù hợp với khả năng của mình mà không bị phân biệt đối xử.

C. Điều kiện làm việc theo nhu cầu của mình.

D. Thời gian làm việc theo ý muốn chủ quan của mình.

Câu 36 Bình đẳng giữa vợ và chồng được hiểu là

A. Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về tài sản riêng.

B. Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.

C. Người chồng chịu trách nhiệm về việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

D. Người vợ chịu trách nhiệm về việc nuôi dạy con cái.

Câu 37 Khẳng định nào dưới đây thể hiện quyền bình đẳng trong kinh doanh?

A. Mọi cá nhân, tổ chức kinh doanh đều được ưu tiên miễn giảm thuế.

B. Mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế đều bình đẳng theo quy định của pháp luật.

C. Mọi cá nhân, tổ chức kinh doanh đều được quyền vay vốn của Nhà nước.

D. Mọi cá nhân, tổ chức kinh doanh đều được ưu tiên lựa chọn nơi kinh doanh.

Câu 38 Ý kiến nào dưới đây là đúng về quyền bình đẳng giữa cha mẹ và con?

A. Cha mẹ không được phân biệt, đối xử giữa các con

B. Cha mẹ cần tạo điều kiện tốt hơn cho con trai học tập, phát triển.

C. Cha mẹ cần quan tâm, chăm sóc con đẻ hơn con nuôi

D. Cha mẹ được quyền quyết định việc chọn trường, chọn ngành học cho con.

Câu 39 Để tìm việc làm phù hợp, anh H có thể căn cứ vào quyền bình đẳng trong lao động

A. Trong tuyển dụng

B. Trong giao kết hợp đồng

C. Thay đổi nội dung hợp đồng lao động D. Tự do lựa chọn việc làm.

Câu 40 Khi yêu cầu vợ mình phải nghỉ việc để chăm sóc gia đình, anh A đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ

A. Nhân thân. B. Tài sản chung.

C. Tài sản riêng. D. Tình cảm.

11. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 12 số 10

TRƯỜNG THPT SAO VIỆT

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 12

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 12

Câu 1. (3 điểm) Pháp luật là gì? Tại sao Nhà nước cần quản lý xã hội bằng pháp luật?

Câu 2. (4 điểm) Thực hiện pháp luật là gì? Nêu các hình thức thực hiện pháp luật và lấy ví dụ minh họa cho các hình thức thực hiện pháp luật?

Câu 3. (3 điểm) Thế nào là công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật? Theo em, có phải mọi công dân khi vi phạm pháp luật đều chịu trách nhiệm pháp lý giống nhau hay không? Tại sao?

ĐÁP ÁN

Câu 1

- Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của Nhà nước.
- Nhà nước quản lí xã hội bằng pháp luật vì:
 - + Nếu không có pháp luật xã hội sẽ không ổn định, mất trật tự, XH sẽ không thể tồn tại và phát triển.
 - + Nhờ có pháp luật Nhà nước có thể phát huy tối đa quyền lực của mình, kiểm tra giám sát các hoạt động của cá nhân, tổ chức trong phạm vi lãnh thổ của mình.

Câu 2

- Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật vào đời sống, trở thành hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
- Các hình thức thực hiện pháp luật:
 - + Sử dụng pháp luật.
 - + Thi hành pháp luật.
 - + Tuân thủ pháp luật.
 - + Áp dụng pháp luật.
- Học sinh lấy ví dụ về các hình thức thực hiện pháp luật, mỗi vd đúng được 0,5 đ

Câu 3

- Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.
- Bất kì công dân nào, nếu đáp ứng các quy định của pháp luật đều được hưởng quyền công dân. Ngoài việc hưởng quyền, công dân còn phải thực hiện nghĩa vụ một cách bình đẳng theo quy định của pháp luật.
- Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi tôn giáo, dân tộc, giới tính, giàu, nghèo, thành phần, địa vị xã hội.

Không phải mọi công dân khi vi phạm pháp luật đều chịu trách nhiệm pháp lí giống nhau vì phụ thuộc vào mức độ, hành vi, hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật của chủ thể vppl, ngoài ra còn phụ thuộc vào độ tuổi của người vi phạm pháp luật.